

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ KHỐI 12

Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

Câu 1: Theo quy định hiện hành, quần đảo Trường Sa thuộc quyền quản lí hành chính của tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Ngãi. B. Lâm Đồng. C. Khánh Hòa. D. Nghệ An.

Câu 2: Vùng thềm lục địa của nước ta bao gồm phần đáy biển và bộ phận nào sau đây?

- A. Lòng đất dưới đáy biển. B. Các đảo ven bờ biển.
C. Toàn bộ vùng lãnh hải. D. Vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 3: Vị trí nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế giúp nước ta thuận lợi để

- A. giao lưu với các nước. B. phát triển nghề làm muối.
C. trồng cây công nghiệp. D. bảo vệ rừng ngập mặn.

Câu 4: Việt Nam gần liền với lục địa và đại dương nào sau đây?

- A. Á-Âu và Bắc Băng Dương. B. Á-Âu và Đại Tây Dương.
C. Á-Âu và Ấn Độ Dương. D. Á-Âu và Thái Bình Dương.

Câu 5: Quần đảo nằm cách xa đất liền nhất của nước ta là

- A. Hoàng Sa. B. Phú Quốc. C. Phú Quý. D. Trường Sa.

Câu 6: Lãnh thổ nước ta

- A. có biên giới chung với nhiều nước. B. nằm hoàn toàn trong vùng xích đạo.
C. có vùng đất rộng lớn hơn vùng biển. D. có bờ biển dài theo chiều Đông - Tây.

Câu 7: Vùng đất Việt Nam gồm toàn bộ phần đất liền và các

- A. hải đảo. B. đảo ven bờ. C. đảo xa bờ. D. quần đảo.

Câu 8: Vị trí địa lí nước ta

- A. thuộc khu vực Đông Nam Á hải đảo. B. là một bộ phận của bán đảo Tiểu Á.
C. trong vùng hoạt động gió Mậu dịch. D. nằm ở phía đông Thái Bình Dương.

Câu 9: Phía tây nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?

- A. Lào và Thái Lan. B. Campuchia và Trung Quốc.
C. Lào và Campuchia. D. Lào và Trung Quốc.

Câu 10: Hệ tọa độ địa lí phần đất liền nước ta là

- A. $23^{\circ}20'N$ - $8^{\circ}30'N$ và $102^{\circ}09'E$ - $109^{\circ}24'E$.
B. $23^{\circ}23'N$ - $8^{\circ}30'N$ và $102^{\circ}09'E$ - $109^{\circ}28'E$.
C. $23^{\circ}23'N$ - $8^{\circ}34'N$ và $102^{\circ}09'E$ - $109^{\circ}28'E$.
D. $23^{\circ}23'N$ - $8^{\circ}34'N$ và $102^{\circ}09'E$ - $109^{\circ}20'E$.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây đúng về vị trí địa lí của nước ta?

- A. Thuộc bán đảo Đông Dương. B. Trong vùng ôn đới.
C. Phía đông của Biển Đông. D. Trong vùng ít thiên tai.

Câu 12: Vị trí địa lí nước ta nằm ở

- A. bờ Tây của Địa Trung Hải. B. khu vực có nhiều sa mạc.
C. trong vùng khí hậu ôn đới. D. khu vực gió mùa châu Á.

Câu 13: Vùng biển của nước ta

- A. có diện tích nhỏ hơn vùng đất. B. ở phía tây Thái Bình Dương.
C. giáp với vùng biển Mi-an-ma. D. có kiểu khí hậu ôn đới gió mùa.

Câu 14: Vùng biển của nước ta

- A. giáp với vùng biển Mi-an-ma. B. có diện tích lớn hơn vùng đất.
C. có khí hậu ôn đới hải dương. D. ở phía tây của Ấn Độ Dương.

Câu 15: Việt Nam **không** có chung đường biên giới với quốc gia nào sau đây?

- A. Lào. B. Trung Quốc.
C. Mi-an-ma. D. Cam-pu-chia.

Câu 16: Lãnh thổ nước ta

- A. rất rộng, kéo dài. B. vùng đất rộng hơn vùng biển.
C. có nhiều đảo lớn nhỏ. D. vị trí nằm ở vùng xích đạo.

Câu 17: Vị trí địa lí nước ta

- A. ở trung tâm của bán đảo Đông Dương. B. liền kề với các vành đai sinh khoáng.
C. tiếp giáp Ấn Độ Dương và Biển Đông. D. nằm ở khu vực phía đông của châu Á.

Câu 18: Nước ta nằm ở

- A. khu vực phía tây Ấn Độ Dương. B. phía đông của Thái Bình Dương.
C. rìa phía nam của vùng xích đạo. D. vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.

Câu 19: Việt Nam nằm ở vị trí nào sau đây của khu vực Đông Nam Á?

- A. Rìa phía đông. **B.** Gần trung tâm. C. Rìa phía tây. D. Rìa phía nam.

Câu 20: Điểm cực Bắc trên đất liền của nước ta tại vĩ độ 23°23'B thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Thái Nguyên. B. Lạng Sơn. **C.** Tuyên Quang. D. Cao Bằng.

Câu 21: Điểm cực Tây trên đất liền của nước ta tại kinh độ 102°09'Đ thuộc địa phương nào sau đây?

- A.** Xã Sín Thầu (Điện Biên). B. Xã Lũng Cú (Tuyên Quang).
C. Xã Đất Mũi (Cà Mau). D. Xã Đại Lãnh (Khánh Hòa).

Câu 22: Điểm cực Đông trên đất liền nước ta nằm tại bán đảo Hòn Gốm thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Đắk Lắk. **B.** Khánh Hòa. C. Gia Lai. D. Lâm Đồng.

Câu 23: Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm

- A. vùng đất, vùng biển và hải đảo. B. vùng đất, hải đảo và vùng trời.
C. vùng đất, vùng biển và vùng trời. D. vùng biển, hải đảo và thêm lục địa.

Câu 24: Ranh giới ngoài của bộ phận nào sau đây được coi là biên giới quốc gia trên biển của nước ta?

- A. Vùng vùng nội thủy. **B.** Vùng vùng lãnh hải.
C. Vùng tiếp giáp lãnh hải. D. Vùng đặc quyền kinh tế.

2. Thông hiểu

Câu 1: Đường biên giới trên biển và trên đất liền của nước ta dài gấp khó khăn lớn nhất về

- A. thu hút đầu tư nước ngoài. **B.** bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.
C. thiếu nguồn lao động. D. phát triển nền văn hóa.

Câu 2: Sự đa dạng về bản sắc dân tộc của nước ta là do vị trí

- A. diễn ra những hoạt động kinh tế sôi động.
B. liên kề của hai vành đai sinh khoáng lớn.
C. nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế lớn.
D. có sự gặp gỡ nhiều nền văn minh lớn với văn minh bản địa.

Câu 3: Nước ta thuận lợi giao lưu với các nước trên thế giới là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Có nhiều nét tương đồng về lịch sử và văn hóa.
B. Ở khu vực giao thoa giữa các nền văn minh lớn.
C. Ở Ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế.
D. Nằm hoàn toàn ở bán cầu Bắc và bán cầu Đông.

Câu 4: Do tiếp giáp Biển Đông nên nước ta có

- A. hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm.
B. gió mùa Đông Bắc hoạt động ở mùa đông.
C. tổng lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao.
D. một mùa có mưa nhiều, một mùa mưa ít.

Câu 5: Hai vịnh biển có diện tích lớn nhất nước ta là

- A.** vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan. B. vịnh Bắc Bộ và vịnh Nha Trang.
C. vịnh Thái Lan và vịnh Vân Phong. D. vịnh Bắc Bộ và vịnh Vân Phong.

Câu 6: Ý nghĩa về văn hóa - xã hội của vị trí địa lý nước ta là

- A.** giao lưu, hợp tác về văn hóa xã hội với các quốc gia.
B. phát triển nhiều loại hình giao thông vận tải khác nhau.
C. thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư của nước ngoài.
D. cầu nối phát triển kinh tế giữa các nước trong khu vực.

Câu 7: Nước ta nằm ở

- A. Tây Nam châu Á, trong vùng khí hậu ôn hòa.
B. trong khu vực kinh tế phát triển năng động.
C. vùng xích đạo bán cầu Nam, giáp nhiều nước.
D. khu vực á nhiệt đới gió mùa, có ít thiên tai.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây thể hiện ý nghĩa về mặt kinh tế của vị trí địa lý nước ta?

- A. Tự nhiên phân hóa đa dạng giữa Bắc - Nam, Đông - Tây.
B. Nguồn tài nguyên sinh vật và khoáng sản vô cùng giàu có.
C. Thuận lợi giao lưu với các nước trong khu vực và thế giới.
D. Thuận lợi để xây dựng nền văn hóa tương đồng với khu vực.

Câu 9: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi

- A.** vị trí trong vùng nội chí tuyến. B. địa hình nước ta thấp dần ra biển.
C. hoạt động của gió phơn Tây Nam. D. địa hình nước ta nhiều đồi núi.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây đúng về lãnh thổ của nước ta?

- A. Nhiều đảo ven bờ, vùng biển rộng hơn so với vùng đất.
- B. Hẹp ngang ở Nam bộ và mở rộng vùng Bắc Trung Bộ.
- C. Đường bờ biển kéo dài từ Quảng Ninh cho đến Cà Mau.
- D. Đường biên giới trên đất liền dài nhất với Trung Quốc.

Câu 11: Vị trí địa lí đã làm cho tự nhiên nước ta

- A. mang tính chất cận xích đạo gió mùa.
- B. phân hóa đa dạng, có nhiều thiên tai.
- C. phân hóa chủ yếu theo độ cao địa hình.
- D. có khí hậu, thời tiết biến đổi khắc nghiệt.

Câu 12: Vị trí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên có

- A. lượng mưa trung bình năm lớn.
- B. gió mùa Đông Bắc hoạt động.
- C. số giờ nắng trong năm nhiều.
- D. khí hậu phân mùa sâu sắc.

Câu 13: Trong các vùng biển sau đây, vùng nào có diện tích lớn nhất?

- A. Nội thủy.
- B. Lãnh hải.
- C. Tiếp giáp lãnh hải.
- D. Đặc quyền kinh tế.

Câu 14: Nhân tố nào sau đây quyết định tính phong phú về thành phần loài sinh vật nước ta?

- A. Sự phong phú, đa dạng của các nhóm đất và sông ngòi.
- B. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hóa đa dạng.
- C. Địa hình đồi núi chiếm ưu thế, có sự phân hóa phức tạp.
- D. Vị trí trên đường di cư và di lưu của nhiều loài sinh vật.

Câu 15: Do lãnh thổ kéo dài trên nhiều vĩ độ nên tự nhiên nước ta có sự phân hóa rõ rệt

- A. giữa miền núi với đồng bằng.
- B. giữa miền Bắc với miền Nam.
- C. giữa đồng bằng và ven biển.
- D. giữa đất liền và ven biển.

Câu 16: Vị trí địa lí của nước ta tạo điều kiện thuận lợi chủ yếu cho

- A. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.
- B. bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc phòng.
- C. phát triển kinh tế nhiều thành phần.
- D. phát triển nền nông nghiệp cận nhiệt đới.

Câu 17: Đại bộ phận lãnh thổ của nước ta nằm trong múi giờ số 7 là do

- A. nước ta trải dài nhiều vĩ độ và địa hình phân hóa.
- B. lãnh thổ của nước ta trải dài theo chiều Bắc-Nam.
- C. nằm trong vùng nội chí tuyến thuộc bán cầu Bắc.
- D. kinh tuyến 105⁰Đ chạy qua lãnh thổ của nước ta.

Câu 18: Do nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa châu Á nên nước ta có

- A. tổng bức xạ trong năm rất lớn.
- B. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.
- C. khí hậu có sự phân mùa rõ rệt.
- D. biên độ nhiệt độ luôn rất thấp.

Câu 19: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên có

- A. sông ngòi dày đặc.
- B. địa hình đa dạng.
- C. nhiều khoáng sản.
- D. tổng bức xạ lớn.

Câu 20: Nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú là do vị trí địa lí

- A. giáp vùng biển rộng lớn, giàu tài nguyên.
- B. nằm liền kề các vành đai sinh khoáng lớn.
- C. nằm trên đường di lưu và di cư sinh vật.
- D. có hoạt động của gió mùa và Tín phong.

Câu 21: Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm vùng nội thủy của nước ta theo Luật Biển Việt Nam năm 2012?

- A. Là vùng biển nằm ở phía ngoài của đường cơ sở.
- B. Được quy định có chiều rộng cố định 12 hải lí.
- C. Được xem như là bộ phận lãnh thổ trên đất liền.
- D. Tiếp giáp trực tiếp với vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 22: Biển Đông có ảnh hưởng sâu sắc đến tính chất ẩm của thiên nhiên nước ta chủ yếu là do

- A. Lãnh thổ nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
- B. Phần đất liền hẹp ngang và tiếp giáp biển rộng.
- C. Lãnh thổ nước ta kéo dài trên nhiều vĩ độ địa lí.
- D. Vị trí nằm gần với trung tâm của vùng Đông Nam Á.

Câu 23: Việc nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương là nguyên nhân chính dẫn đến

- A. Sự phong phú của tài nguyên khoáng sản và sinh vật.
- B. Sự xuất hiện của các dải núi cao ở phía tây đất nước.
- C. Khí hậu có hai mùa mưa và khô phân hóa sâu sắc.
- D. Các hiện tượng thiên tai thường xảy ra ở vùng núi.

Câu 24: Vị trí địa lí tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta chung sống hòa bình với các nước trong khu vực do

- A. có nhiều nét tương đồng về lịch sử và văn hóa.
- B. nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không.
- C. có đường biên giới dài với các quốc gia láng giềng.
- D. nằm ở trung tâm của khu vực kinh tế rất năng động.

Câu 25: Vùng trời Việt Nam trên biển được xác định bằng khoảng không gian bao trùm lên

- A. các đảo ven bờ và các quần đảo nằm ở ngoài khơi.
- B. ranh giới phía ngoài lãnh hải và không gian của đảo.
- C. vùng nội thủy và các vùng tiếp giáp lãnh hải quốc tế.
- D. vùng đặc quyền kinh tế và toàn bộ vùng thềm lục địa.

3. Vận dụng

Câu 1: Việt Nam không có khí hậu nhiệt đới khô như một số nước cùng vĩ độ là do

- A. nằm trên vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải.
- B. nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
- C. tiếp giáp với Biển Đông và ảnh hưởng gió mùa.
- D. nằm ở trung tâm của vùng Đông Nam Á.

Câu 2: Ảnh hưởng của vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ đến sông ngòi nước ta là

- A. mạng lưới sông ngòi dày đặc, có độ dốc lớn.
- B. phần lớn là sông nhỏ, chế độ nước theo mùa.
- C. có rất nhiều chi lưu và tổng lượng nước lớn.
- D. hàm lượng phù sa lớn và chảy ra biển Đông.

Câu 3: Sự hình thành các miền tự nhiên khác nhau ở nước ta chủ yếu do

- A. khí hậu và sông ngòi.
- B. vị trí địa lí và hình thể.
- C. khoáng sản và biển.
- D. gió mùa và dòng biển.

Câu 4: Vị trí địa lí làm cho nước ta phải giải quyết vấn đề kinh tế nào sau đây?

- A. Trình độ phát triển kinh tế rất thấp.
- B. Cạnh tranh gay gắt với nhiều quốc gia.
- C. Nợ nước ngoài nhiều và tăng nhanh.
- D. Tốc độ tăng trưởng kinh tế âm liên tục.

Câu 5: Vị trí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên có

- A. hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm.
- B. gió mùa Đông Bắc hoạt động ở mùa đông.
- C. tổng lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao.
- D. một mùa có mưa nhiều và một mùa mưa ít.

Câu 6: Vị trí địa lí và hình thể đã tạo nên

- A. khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh.
- B. địa hình có tính phân bậc rõ rệt.
- C. tài nguyên khoáng sản phong phú.
- D. sự phân hóa đa dạng của tự nhiên.

Câu 7: Thiên nhiên nước ta có sự phân hóa đa dạng theo chiều vĩ độ là do

- A. lãnh thổ nước ta kéo dài theo chiều Bắc - Nam.
- B. có đường bờ biển dài, địa hình phân hóa đa dạng.
- C. có lãnh thổ mở rộng ở hai đầu, hẹp ngang ở giữa.
- D. địa hình phức tạp, lãnh thổ rộng và hẹp ở hai đầu.

Câu 8: Nhờ tiếp giáp với biển Đông nên khí hậu nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng.
- B. Có khí hậu nhiệt đới nóng ẩm và mưa nhiều.
- C. Có sự phân hóa đa dạng giữa các khu vực.
- D. Chịu tác động thường xuyên của gió mùa.

Câu 9: Vị trí nằm trong khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của Tín phong và gió mùa châu Á làm cho nước ta có

- A. thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.
- B. tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng.
- C. mưa phân hoá theo thời gian và không gian.
- D. đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ.

Câu 10: Phát triển kinh tế biển gắn với các đảo và quần đảo nước ta hiện nay có ý nghĩa chiến lược chủ yếu nhằm

- A. nâng cao thu nhập và giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ.
- B. thu hút mạnh mẽ nguồn vốn đầu tư và công nghệ từ nước ngoài.
- C. mở rộng thị trường tiêu thụ cho các mặt hàng nông sản xuất khẩu.
- D. khẳng định chủ quyền lãnh thổ và bảo vệ an ninh quốc phòng.**

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1: Cho thông tin sau:

Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á. Trên đất liền, nước ta tiếp giáp với các nước láng giềng Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia và nằm ven Biển Đông, giáp với vùng biển của nhiều quốc gia. Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời.

- a) Việt Nam nằm ở vị trí trung tâm của bán đảo Đông Dương.
- b) Trên đất liền, nước ta có đường biên giới giáp với 3 quốc gia.**
- c) Vị trí ven biển giúp nước ta có điều kiện giao lưu thuận lợi với các nước trong khu vực và trên thế giới.**
- d) Do nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến nên nước ta có mùa đông lạnh, ít mưa.**

Câu 2: Cho thông tin sau:

Vùng biển Việt Nam thuộc Biển Đông có diện tích khoảng 1 triệu km², tiếp giáp với vùng biển của các quốc gia: Trung Quốc, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia và Thái Lan. Vùng biển nước ta bao gồm: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

- a) Vùng biển của nước ta rộng gấp khoảng 3 lần diện tích phần đất liền.**
- b) Lãnh hải là vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển, có chiều rộng 12 hải lý.**
- c) Đường biên giới quốc gia trên biển được xác định là ranh giới ngoài của vùng tiếp giáp lãnh hải.**
- d) Việc xác định rõ các vùng biển giúp nước ta bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trên Biển Đông.**

Câu 3: Cho thông tin sau:

Trên đất liền, lãnh thổ nước ta kéo dài từ 8°34'B đến 23°23'B, mở rộng từ 102°09'Đ đến 109°28'Đ; phía đông, nam và tây nam tiếp giáp với Biển Đông. Nước ta là nơi hội tụ của các luồng di lưu và di cư sinh vật; nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương, liền kề với các vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.

- a) Ở nước ta, khoảng cách từ đông sang tây lớn hơn từ bắc vào nam.
- b) Trên đất liền, nước ta gần xích đạo hơn chí tuyến.**
- c) Vị trí địa lý làm cho nước ta có tài nguyên sinh vật đa dạng, tài nguyên khoáng sản khá phong phú.**
- d) Lãnh thổ nước ta mỗi năm có hai lần mặt trời chuyển động qua thiên đỉnh.**

Câu 4: Cho thông tin sau:

Việt Nam nằm ở phía đông nam của châu Á, trên bán đảo Đông Dương. Phần đất liền nước ta giới hạn từ vĩ độ 8°34'B đến vĩ độ 23°23'B và từ kinh độ 102°09'Đ đến kinh độ 109°28'Đ. Trên Biển Đông, vùng biển nước ta kéo dài từ khoảng vĩ độ 6°50'B và kinh độ 101°Đ đến khoảng kinh độ 117°20'Đ.

- a) Nước ta nằm hoàn toàn ở nửa cầu Bắc.**
- b) Lãnh thổ phần đất liền nước ta kéo dài trên 17 vĩ độ.**
- c) Vị trí địa lý tạo thuận lợi cho nước ta phát triển tổng hợp kinh tế biển.**
- d) Vị trí địa lý và hình dạng lãnh thổ đã làm cho sông ngòi nước ta phần lớn là sông nhỏ, nhiều nước, thủy chế theo mùa.**

Câu 5: Cho thông tin sau:

Việt Nam nằm gần trung tâm khu vực Đông Nam Á. Trên đất liền điểm cực Bắc nước ta ở 23°23'B, cực Nam ở 8°34'B, cực Tây ở 102°09'Đ và cực Đông ở 109°28'Đ. Vùng biển nước ta kéo dài tới khoảng vĩ độ 6°50'B và từ kinh độ 101°Đ đến kinh độ 117°20'Đ.

- a) Lãnh thổ phần đất liền nước ta kéo dài khoảng 15 vĩ độ.**
- b) Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.**
- c) Nhờ vị trí địa lý nên nước ta ít chịu ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu.**
- d) Nước ta chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á và Tín phong.**

III. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Nước ta có 21 tỉnh/thành phố giáp biển. Hãy cho biết số tỉnh/thành phố giáp biển chiếm bao nhiêu % số tỉnh/thành của nước ta? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Trả lời

Đáp án: $(21 : 34) \times 100 \approx 61,8$

Câu 2: Lễ duyệt binh Kỷ niệm 80 năm Ngày Chiến thắng trong Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại bắt đầu diễn ra vào hồi 10 giờ, ngày 09/5/2025 tại Quảng trường Đỏ, thủ đô Mát-xcơ-va, Liên bang Nga (múi giờ GMT

+3). Hãy cho biết thời gian để bắt đầu xem tường thuật trực tiếp sự kiện trên ở Việt Nam (múi giờ GMT +7) lúc mấy giờ cùng ngày? (ghi giờ theo quy ước 24 giờ)

Trả lời

- Mát-xơ-va ở múi giờ số 3 (GMT+3), Việt Nam ở múi giờ số 7 (GMT+7) nên Việt Nam bắt đầu xem tường thuật trực tiếp lúc $10 + 4 = 14$ giờ, ngày 09/5/2025.

Câu 3: Biết đường bờ biển nước ta dài 3260 km, đường biên giới trên đất liền dài 4510 km. Tính tỉ lệ đường bờ biển so với đường biên giới nước ta. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Trả lời

Đáp án: $(3260 : 4510) \times 100 \approx 72,3$

Câu 4: Biết đường biên giới của nước ta với Lào dài 2161 km, tổng chiều dài đường biên giới trên đất liền của nước ta dài 4510 km. Hãy cho biết, chiều dài đường biên giới của nước ta với Lào chiếm bao nhiêu % so với tổng chiều dài đường biên giới trên đất liền của nước ta? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Trả lời

Đáp án: $(2161 : 4510) \times 100 \approx 47,9$

Câu 5: Vùng biển đặc quyền kinh tế hợp với vùng lãnh hải của nước ta rộng 200 hải lí tính từ đường nước cơ sở (1 hải lí = 1852 m). Hãy cho biết vùng biển đặc quyền kinh tế hợp với lãnh hải của nước ta rộng bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km).

Trả lời

1 hải lí = 1852 m = 1,852 km

Đáp án: $200 \times 1,852 \approx 370$

Bài 2. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

1. Nhận biết

Câu 1: Ở một số vùng núi đá vôi nước ta, quá trình hòa tan đá tạo nên dạng địa hình đặc biệt nào sau đây?

A. Địa hình bán bình nguyên.

B. Địa hình mài mòn biển.

C. Địa hình núi cao dốc.

D. Địa hình các-xtơ.

Câu 2: Tổng lượng phù sa hằng năm của các hệ thống sông ngòi trên lãnh thổ nước ta là khoảng

A. 100 triệu tấn/năm.

B. 200 triệu tấn/năm.

C. 300 triệu tấn/năm.

D. 400 triệu tấn/năm.

Câu 3: Đất feralit ở nước ta thường có tính chất chua và có màu đỏ vàng chủ yếu do sự tích tụ của

A. các chất ba-zơ dễ tan.

B. ô-xít sắt và ô-xít nhôm.

C. các hợp chất hữu cơ mùn.

D. các hợp chất muối mặn.

Câu 4: Gió mùa đông bắc tạo nên một mùa đông lạnh

A. Từ dãy Bạch Mã vào miền Nam.

B. Từ dãy Bạch Mã ra miền Bắc.

C. Từ dãy Hoàng Sơn ra miền Bắc.

D. Từ dãy Hoàng Sơn vào miền Nam

Câu 5: Gió mùa mùa hạ hoạt động ở nước ta vào thời gian nào sau đây?

A. Tháng 6 đến 10.

B. Tháng 8 đến 10.

C. Tháng 1 đến 12.

D. Tháng 5 đến 10.

Câu 6: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta là

A. đất xám bạc màu.

B. đất mùn thô.

C. đất phù sa.

D. đất feralit.

Câu 7: Nước ta có khoảng bao nhiêu con sông dài trên 10km?

A. 2360.

B. 2620.

C. 3260.

D. 3630.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu Việt Nam?

A. Khí hậu có sự phân hoá đa dạng.

B. Khí hậu mang tính chất nhiệt đới.

C. Mùa đông lạnh kéo dài 2 - 3 tháng.

D. Chịu tác động sâu sắc của gió mùa.

Câu 9: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi

A. ảnh hưởng của biển Đông rộng lớn.

B. ảnh hưởng sâu sắc hoàn lưu gió mùa.

C. vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến.

D. chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.

Câu 10: Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng chủ yếu do

A. quá trình tích tụ mùn mạnh.

B. rửa trôi các chất bazo dễ tan.

C. tỉ lệ ôxít sắt và ôxít nhôm cao.

D. quá trình phong hóa mạnh mẽ.

Câu 11: Loại gió thổi quanh năm ở nước ta là

A. Tây ôn đới.

B. Tín phong.

C. gió phơn.

D. gió mùa.

Câu 12: Do tác động của gió mùa Đông Bắc nên nửa đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết

A. lạnh, ẩm.

B. ẩm, ẩm.

C. lạnh, khô.

D. ẩm, khô.

- Câu 13:** Chế độ dòng chảy của sông ngòi nước ta theo sát
A. hướng các dòng sông. **B.** hướng các dãy núi. **C.** chế độ nhiệt. **D.** chế độ mưa.
- Câu 14:** Gió mùa mùa hạ hoạt động ở đồng bằng Bắc Bộ vào giữa và cuối mùa hạ có hướng chủ yếu là
A. tây nam. **B.** đông nam. **C.** đông bắc. **D.** tây bắc.
- Câu 15:** Gió mùa đông bắc xuất phát từ
A. biển Đông. **B.** Ấn Độ Dương. **C.** áp cao Xi-bia. **D.** vùng núi cao.
- Câu 16:** Gió mùa đông bắc thổi vào nước ta theo hướng
A. tây bắc. **B.** đông bắc. **C.** đông nam. **D.** tây nam.
- Câu 17:** Tính chất của gió mùa mùa hạ là
A. nóng, khô. **B.** nóng, ẩm. **C.** lạnh, ẩm. **D.** lạnh, khô.
- Câu 18:** Phát biểu nào sau đây là biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta?
A. Cán cân bức xạ quanh năm âm. **B.** Sinh vật cận nhiệt đới chiếm ưu thế.
C. Xâm thực mạnh ở miền đồi núi. **D.** Chế độ nước sông không phân mùa.
- Câu 19:** Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là
A. rừng thưa nhiệt đới khô. **B.** rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
C. rừng nhiệt đới gió mùa. **D.** rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.
- Câu 20:** Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?
A. Quá trình phong hóa diễn ra mạnh. **B.** Tích tụ ôxít sắt Fe_2O_3 .
C. Mưa nhiều, rửa trôi các chất bazo. **D.** Tích tụ ôxít nhôm Al_2O_3 .
- Câu 21:** Vào mùa đông, gió mùa Đông Bắc ở miền Bắc nước ta thổi xen kẽ với
A. gió Tây ôn đới. **B.** Tín phong bán cầu Bắc.
C. phơn Tây Nam. **D.** Tín phong bán cầu Nam.
- Câu 22:** Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do
A. chế độ mưa mùa. **B.** hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.
C. hoạt động của bão. **D.** sự đa dạng của hệ thống sông ngòi.
- Câu 23:** Gió nào sau đây gây mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ?
A. Gió mùa Đông Bắc. **B.** Tín phong bán cầu Bắc.
C. Gió phơn Tây Nam. **D.** Tín phong bán cầu Nam.
- Câu 24:** Gió mùa đông bắc hoạt động vào thời gian nào sau đây?
A. Thu - đông. **B.** Tháng 5 đến tháng 10.
D. Mùa đông. **C.** Tháng 11 đến tháng 4.
- Câu 25:** Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi nước ta biểu hiện ở đặc điểm nào sau đây?
A. Sông ngòi dày đặc, nhiều nước, ít phù sa, chế độ nước thất thường.
B. Sông ngòi dày đặc, nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước theo mùa.
C. Sông ngòi dày đặc, có nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước ổn định.
D. Sông ngòi dày đặc, chủ yếu hướng tây bắc - đông nam và vòng cung.
- Câu 26:** Gió phơn Tây Nam làm cho khí hậu vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có
A. mưa nhiều vào thu đông. **B.** lượng bức xạ Mặt Trời lớn.
C. thời tiết đầu hạ khô nóng. **D.** hai mùa khác nhau rõ rệt.
- Câu 27:** Khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương làm cho khí hậu vùng đồng bằng Nam Bộ nước ta có
A. mưa lớn vào đầu mùa hạ. **B.** lượng bức xạ Mặt Trời lớn.
C. hai mùa khác nhau rõ rệt. **D.** mưa nhiều vào thu đông.
- Câu 28:** Vào đầu mùa hạ, gió mùa mùa hạ xuất phát từ đâu?
A. Áp cao bắc Ấn Độ Dương. **B.** Biển Đông.
C. Áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam. **D.** Cao áp Xi-bia.
- Câu 29:** Đặc điểm của đất feralit là
A. có màu đỏ vàng, chua. **B.** có màu đen, xốp thoát nước.
C. có màu đỏ vàng, mặn. **D.** có màu nâu, khó thoát nước.
- Câu 30:** Ở những vùng núi cao và các sườn núi đón gió của nước ta, lượng mưa năm có thể đạt đến
A. Khoảng 1 500 - 2 000 mm. **B.** Khoảng 2 000 - 2 500 mm.
C. Khoảng 2 500 - 3 000 mm. **D.** Khoảng 3 500 - 4 000 mm.

2. Thông hiểu

- Câu 1:** Khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương gây mưa lớn cho Nam Bộ nhưng lại gây khô nóng cho ven biển Trung Bộ chủ yếu do
A. tác động của dải hội tụ nhiệt đới trên biển.
B. ảnh hưởng chắn gió của dãy núi Trường Sơn.

- C. sự lẫn lút của khối khí từ áp cao Xi-bia.
D. địa hình miền Trung hẹp ngang và giáp biển.
- Câu 2:** Sự chiếm ưu thế của các loài thực vật nhiệt đới như họ Đậu, Vang, Dâu tằm trong các hệ sinh thái rừng nước ta là minh chứng cho
A. tính chất nhiệt đới ẩm của thiên nhiên. **B.** sự phân hóa đa dạng theo độ cao địa hình.
C. tác động của các luồng gió mùa mùa hạ. **D.** sự phong phú của các loại đất trong rừng.
- Câu 3:** Mưa phùn vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ thường diễn ra vào
A. nửa đầu mùa đông. **B.** nửa sau mùa đông.
C. nửa sau mùa xuân. **D.** nửa đầu mùa hạ.
- Câu 4:** Quá trình feralit hóa là quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng khí hậu
A. cận nhiệt lục địa. **B.** nhiệt đới ẩm.
C. ôn đới hải dương. **D.** cận cực lục địa.
- Câu 5:** Gió tín phong nửa cầu Bắc chiếm ưu thế từ khu vực dãy Bạch Mã trở vào Nam có hướng
A. Tây Bắc. **B.** Tây Nam. C. Đông Nam. **D.** Đông Bắc.
- Câu 6:** Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta ảnh hưởng trực tiếp và rõ rệt nhất đến hoạt động sản xuất nào sau đây?
A. Công nghiệp. **B.** Nông nghiệp.
C. Du lịch. **D.** Giao thông vận tải.
- Câu 7:** Thành phần loài nào sau đây **không** thuộc cây nhiệt đới?
A. Dầu. **B.** Đỗ Quyên. C. Dâu tằm. **D.** Đậu.
- Câu 8:** Thời kì chuyển tiếp hoạt động giữa gió mùa Đông Bắc và Tây Nam là thời kì hoạt động mạnh của
A. gió mùa mùa đông. **B.** gió mùa mùa hạ.
C. gió Mậu dịch. **D.** gió địa phương.
- Câu 9:** Gió Tín Phong hoạt động mạnh nhất vào thời kì nào sau đây?
A. Mùa hạ và mùa thu. **B.** Mùa đông và mùa xuân.
C. Mùa xuân và mùa thu. **D.** Mùa hạ và mùa xuân.
- Câu 10:** Loại gió nào sau đây gây mưa trên phạm vi cả nước vào mùa hạ?
A. Gió Đông Nam đã biến tính. **B.** Gió Tín phong bán cầu Bắc.
C. Gió Tây Nam từ vịnh Bengan. **D.** Gió Tín phong bán cầu Nam.
- Câu 11:** Khu vực nào sau đây chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió phơn Tây Nam?
A. Đông Nam Bộ. **B.** Nam Trung Bộ.
C. Tây Bắc. **D.** Bắc Trung Bộ.
- Câu 12:** Kiểu thời tiết lạnh ẩm xuất hiện vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc nước ta là do
A. gió mùa đông đi qua lục địa phương Bắc. **B.** khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương.
C. khối khí lạnh di chuyển lệch đông qua biển. **D.** ảnh hưởng của gió mùa mùa hạ đến sớm.
- Câu 13:** Chế độ mưa mùa của khí hậu nước ta có tác động trực tiếp và sâu sắc nhất đến đặc điểm nào sau đây của sông ngòi?
A. Tổng lượng nước của các hệ thống sông.
B. Hướng chảy chính của các dòng sông lớn.
C. Chế độ dòng chảy theo sát nhịp điệu mưa.
D. Chiều dài và độ dốc trung bình lòng sông.
- Câu 14:** Loại gió thịnh hành từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau ở phần lãnh thổ phía Nam nước ta là
A. gió mùa Đông Bắc. **B.** Tín phong bán cầu Bắc.
C. gió mùa Tây Nam. **D.** Tín phong bán cầu Nam.
- Câu 15:** Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện ở
A. cân bằng bức xạ luôn dương quanh năm. **B.** lượng nhiệt Mặt Trời nhận được rất lớn.
C. Mặt Trời luôn cao trên đường chân trời. **D.** Mặt Trời lên thiên đỉnh hai lần trong năm.
- Câu 16:** Gió Tây Nam hoạt động trong thời kì đầu mùa hạ ở nước ta có nguồn gốc từ
A. khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương. **B.** khối khí chí tuyến Bán cầu Nam.
C. khối khí nhiệt đới Nam Thái Bình Dương. **D.** khối khí chí tuyến Bán cầu Bắc.
- Câu 17:** Nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm tính bấp bênh của nông nghiệp nước ta là
A. khí hậu phân hóa theo Bắc - Nam và theo độ cao.
B. địa hình, đất trồng, sông ngòi có sự phân hóa rõ.
C. thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
D. đất trồng có nhiều loại và sinh vật rất phong phú.
- Câu 18:** Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ nước ta?

- A. Gió mùa Đông Bắc.
C. Gió phơn Tây Nam.
- Câu 19:** Loại gió nào sau đây gây mưa lớn cho Nam Bộ nước ta vào giữa và cuối mùa hạ?
A. Gió mùa Tây Nam.
C. Gió phơn Tây Nam.
- Câu 20:** Sự phân mùa của khí hậu nước ta do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?
A. Bức xạ từ Mặt Trời tới.
C. Hoạt động của gió mùa.
B. Hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.
D. Sự phân bố lượng mưa theo mùa.
- Câu 21:** Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa khô ở Đồng bằng sông Cửu Long là
A. gió phơn Tây Nam.
C. gió mùa Đông Bắc.
B. Tín phong bán cầu Bắc.
D. gió mùa Tây Nam.
- Câu 22:** Quá trình feralit hóa là quá trình hình thành đất chủ yếu ở nước ta do nguyên nhân nào sau đây ?
A. Địa hình chủ yếu là đồng bằng.
C. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.
B. Có khí hậu nhiệt đới ẩm, nhiều đồi núi thấp.
D. Trong năm có hai mùa mưa và khô rõ rệt.
- Câu 23:** Nơi chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc là
A. Đông Bắc và đồng bằng Bắc Bộ.
C. Đông Bắc và Bắc Trung Bộ.
B. Tây Bắc và đồng bằng Bắc Bộ.
D. Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
- Câu 24:** Giữa phía đông và phía tây dãy Trường Sơn Nam nước ta có đặc điểm gì nổi bật?
A. Giống nhau về mùa mưa.
C. Giống nhau về mùa khô.
B. Đối lập nhau về mùa mưa và mùa khô.
D. Đối lập nhau về mùa nóng và mùa lạnh.
- Câu 25:** Chế độ nước sông ở nước ta phân hóa theo mùa chủ yếu do
A. địa hình có độ dốc lớn, nước mưa nhiều.
C. địa hình chủ yếu là đồi núi, mưa nhiều.
B. đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
D. khí hậu phân hóa mùa mưa và mùa khô.
- Câu 26:** Thời tiết nóng và khô ở ven biển Trung bộ và phần nam của khu vực Tây Bắc nước ta do loại gió nào sau đây gây ra?
A. Gió mùa Đông Bắc.
C. Gió Tây Nam đầu mùa.
B. Tín phong bán cầu Nam.
D. Tín phong bán cầu Bắc.
- Câu 27:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với gió mùa Đông Bắc ở nước ta?
A. Hầu như kết thúc ở dãy Bạch Mã.
C. Tạo nên mùa đông lạnh ở miền Bắc.
B. Thổi thành từng đợt khác nhau.
D. Thổi liên tục trong mùa đông.
- Câu 28:** Gió đầu mùa hạ hoạt động gây mưa lớn cho vùng
A. Bắc Trung Bộ và Nam Bộ.
B. Nam Bộ và Đông Bắc.
C. Nam Trung Bộ và Tây Bắc.
D. Nam Bộ và cao nguyên phía tây Nam Trung Bộ.
- Câu 29:** Nguyên nhân gây mưa lớn cho Nam Bộ và vùng cao nguyên phía tây Nam Trung Bộ vào thời kì đầu mùa hạ là do ảnh hưởng của khối khí
A. cận chí tuyến bán cầu Bắc.
C. cận chí tuyến bán cầu Nam.
B. Bắc Ấn Độ Dương.
D. lạnh phương Bắc.
- Câu 30:** Nhiều động về thời tiết ở nước ta thường xảy ra nhất vào thời gian nào sau đây?
A. đầu mùa đông và đầu mùa thu.
C. thời gian chuyển tiếp các mùa.
B. giữa mùa đông và giữa mùa hạ.
D. đầu mùa đông và giữa mùa hạ.

3. Vận dụng

- Câu 1:** Sự phân hóa khí hậu giữa hai sườn Đông và Tây của dãy Trường Sơn chủ yếu là kết quả của
A. các khối khí qua biển kết hợp với hướng của các dãy núi.
B. các đợt gió mùa mùa đông và địa hình núi cao chiếm ưu thế.
C. Tín phong bán cầu Bắc kết hợp với các dãy núi hướng vòng cung.
D. gió mùa mùa hạ cùng với sự hoạt động của các dải hội tụ nhiệt đới.
- Câu 2:** Quá trình feralit diễn ra mạnh mẽ ở vùng đồi núi thấp nước ta đã tạo ra thuận lợi chủ yếu để
A. hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp có quy mô lớn.
B. thâm canh các loại cây lương thực và thực phẩm có năng suất cao.
C. đẩy mạnh việc khai thác lâm sản và phát triển các loài cây dược liệu.
D. quy hoạch các khu công nghiệp chế biến sâu tại những vùng miền núi.
- Câu 3:** Quá trình phong hóa hóa học tham gia vào việc làm biến đổi bề mặt địa hình hiện tại của nước ta được biểu hiện ở
A. hiện tượng bào mòn, rửa trôi.
B. thành tạo địa hình cac-xtơ.

- C. đất trượt, đá lở ở sườn dốc. D. hiện tượng xâm thực mạnh.
- Câu 4:** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sông ngòi nước ta có hàm lượng phù sa lớn?
 A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. B. Chế độ nước thay đổi theo mùa.
 C. Tổng lượng dòng chảy lớn. D. Xâm thực mạnh ở miền núi.
- Câu 5:** Loại gió nào sau đây vừa gây mưa cho vùng ven biển Trung bộ, vừa là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và vùng cao nguyên phía tây Nam Trung Bộ?
 A. Gió mùa Đông Bắc. B. Tín phong bán cầu Nam.
 C. Gió mùa Tây Nam. D. Tín phong bán cầu Bắc.
- Câu 6:** Nguyên nhân chủ yếu khiến nước ta có lượng mưa lớn là do
 A. nhiệt độ cao nên lượng bốc hơi lớn. B. địa hình có nhiều nơi đón gió từ biển.
 C. các khối khí đi qua biển mang theo ẩm lớn.
 D. vị trí địa lý nằm trong khu vực nội chí tuyến.
- Câu 7:** Nhân tố chủ yếu nào sau đây làm cho gió mùa Đông Bắc xâm nhập sâu vào nước ta?
 A. Phía bắc giáp Trung Quốc.
 B. Các dãy núi chủ yếu có hướng tây bắc - đông nam.
 C. Nước ta có nhiều đồi núi.
 D. Hướng vòng cung của các dãy núi vùng Đông Bắc.
- Câu 8:** Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc chủ yếu do
 A. khí hậu phân mùa, lãnh thổ hẹp ngang. B. xâm thực, bóc mòn mạnh ở miền đồi núi.
 C. mưa lớn, địa hình đồi núi chia cắt mạnh. D. chế độ nước theo mùa, giáp Biển Đông.
- Câu 9:** Gió phơn Tây Nam làm cho khí hậu vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có
 A. mưa nhiều vào thu đông. B. lượng bức xạ Mặt Trời lớn.
 C. thời tiết đầu hạ khô nóng. D. hai mùa khác nhau rõ rệt.
- Câu 10:** Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở nước ta là
 A. gió phơn Tây Nam. B. Tín phong bán cầu Bắc.
 C. gió mùa Đông Bắc. D. gió mùa Tây Nam.
- Câu 11:** Tín phong bán cầu Bắc làm cho khí hậu vùng ven biển Trung Bộ nước ta có
 A. mưa lớn vào đầu mùa hạ. B. lượng bức xạ Mặt Trời lớn.
 C. hai mùa khác nhau rõ rệt. D. mưa nhiều vào thu đông.
- Câu 12:** “Gió mùa Đông Nam” hoạt động ở Bắc Bộ có nguồn gốc từ
 A. áp cao cận chí tuyến bán cầu Bắc. B. áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.
 C. khối khí cực lục địa từ áp cao Xibia. D. khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương.
- Câu 13:** Gió phơn tây nam ảnh hưởng sâu sắc đến vùng Bắc Trung Bộ do
 A. có nhiều thung lũng khuất gió. B. bức chắn Bạch Mã và Tam Điệp.
 C. bức chắn dãy Trường Sơn Bắc. D. lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.
- Câu 14:** Miền Bắc nước ta có gió mùa Đông Nam vào cuối mùa hạ là do ảnh hưởng của
 A. hướng nghiêng địa hình. B. hướng núi cánh cung.
 C. áp thấp Bắc Bộ. D. áp thấp I-ran.
- Câu 15:** Nhân tố chủ yếu làm cho đất feralit ở nước ta có lớp đất dày là do
 A. nhiệt ẩm dồi dào. B. mùa mưa kéo dài.
 C. mùa khô sâu sắc. D. khí hậu phân mùa.
- Câu 16:** Phát biểu nào sau đây không đúng với tác động của gió mùa Đông Bắc ở miền Bắc nước ta?
 A. Nửa đầu mùa đông lạnh khô. B. Nửa sau mùa đông lạnh ẩm.
 C. Tạo nên một mùa đông lạnh. D. Tạo nên một mùa khô sâu sắc.
- Câu 17:** Sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn chủ yếu do
 A. địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế và lượng mưa lớn
 B. thảm thực vật có độ che phủ cao và lượng mưa lớn.
 C. lượng mưa lớn trên đồi núi dốc và ít lớp phủ thực vật.
 D. mưa lớn và nguồn nước từ bên ngoài lãnh thổ chảy vào.
- Câu 18:** Sông nào sau đây của nước ta có hàm lượng phù sa nhiều nhất?
 A. sông Mê Công. B. Sông Đồng Nai.
 C. Sông Thái Bình. D. Sông Hồng.
- Câu 19:** Hai khu vực núi có dạng địa hình cacxtơ phổ biến nhất nước ta là
 A. Đông Bắc và Trường Sơn Nam. B. Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.
 C. Đông Bắc và Trường Sơn Bắc. D. Tây Bắc và Trường Sơn Nam.
- Câu 20:** Phần lớn sông ngòi nước ta có đặc điểm ngắn và dốc do các nhân tố chủ yếu nào sau đây?

A. Địa hình, sinh vật và thổ nhưỡng.

B. Khí hậu và sự phân bố địa hình.

C. Hình dáng lãnh thổ và khí hậu.

D. Hình dáng lãnh thổ và địa hình

Câu 21: Mùa mưa ở miền Trung thường đến muộn chủ yếu là do tác động của

A. frông lạnh vào thu đông.

B. gió phơn tây nam khô nóng vào đầu mùa hạ.

C. các dãy núi lan ra bờ biển.

D. bão đến tương đối muộn hơn so với cả nước.

Câu 22: Hiện tượng “nồm” của thời tiết miền Bắc vào cuối mùa đông - đầu mùa xuân chủ yếu do gió nào gây nên?

A. Gió mùa Đông Bắc.

B. Gió phơn.

C. Tín phong bán cầu Bắc.

D. Gió mùa Tây Nam.

Câu 23: Địa hình nước ta bị xâm thực mạnh ở đồi núi là do

A. khí hậu nóng ẩm mưa nhiều.

B. địa hình chủ yếu là đồi núi.

C. đất feralit nằm ở trên đá bazan.

D. khí hậu xích đạo, đất phù sa.

Câu 24: Loại gió thường gây mưa lớn và kéo dài cho các vùng đón gió ở Nam Bộ và khu vực cao nguyên phía tây Nam Trung Bộ là

A. gió mùa Tây Nam từ áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.

B. gió Tín phong bán cầu Bắc vượt qua biển mang hơi ẩm.

C. gió mùa Đông Bắc nửa sau mùa đông từ áp cao Xibia.

D. gió mùa Tây Nam từ áp cao ở biển Bắc Ấn Độ Dương.

Câu 25: Mùa mưa ở Nam Bộ thường kéo dài hơn so với Bắc Bộ chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?

A. Dải hội tụ nhiệt đới, ảnh hưởng của Biển Đông rộng lớn.

B. Vị trí đón gió mùa Tây Nam và ảnh hưởng của dải hội tụ.

C. Gió mùa Tây Nam đến sớm và kết thúc muộn ở Nam Bộ.

D. Gió mùa Tây Nam kết thúc muộn và giáp với Biển Đông.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1: Cho thông tin sau:

Cùng với gió mùa Đông Bắc, trong mùa đông ở nước ta còn có sự hoạt động của Tín phong bán cầu Bắc. Ở miền Bắc, Tín phong hoạt động đan xen giữa các đợt gió mùa Đông Bắc. Ở miền Nam, Tín phong thổi theo hướng đông bắc chiếm ưu thế, đây là nguyên nhân chính làm cho phía tây dãy Trường Sơn Nam và Nam Bộ có mùa khô kéo dài.

a) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc và Tín phong là nguyên nhân chính tạo nên sự khác biệt về thời tiết giữa 2 miền Bắc - Nam.

b) Từ tháng XI đến tháng IV năm sau, thời tiết ở miền Bắc nước ta lạnh, ít mưa là do sự hoạt động đồng thời của cả gió mùa Đông Bắc và Tín phong bán cầu Bắc.

c) Miền Nam nước ta không có mùa Đông chủ yếu do Tín phong bán cầu Bắc hoạt động mạnh.

d) Sự thay đổi nhiệt độ theo chiều Bắc - Nam và sự tồn tại của Tín phong bán cầu Bắc ở nước ta là biểu hiện của quy luật địa đới.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Quá trình feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu ở nước ta, vì vậy các loại đất feralit là các loại đất đặc trưng cho vùng đồi núi. Loại đất này thường chua và có màu đỏ vàng do bị rửa trôi các chất ba-dơ dễ tan và tích tụ ô-xít sắt, ô-xít nhôm.

a) Feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

b) Đất feralit hình thành trên đá vôi phân bố chủ yếu ở các tỉnh thuộc Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ.

c) Nhóm đất feralit có diện tích lớn nhất ở nước ta, phân bố ở cả miền núi và rìa các đồng bằng.

d) Đất feralit có màu đỏ vàng do mưa lớn làm rửa trôi các chất ba-dơ dễ tan.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Trời nồm hay nồm ẩm, nồm là kiểu thời tiết đặc trưng của các tỉnh miền Bắc nước ta. Hiện tượng này xảy ra khi độ ẩm trong không khí đạt mức trên 90%, với các dấu hiệu như đọng sương trên bề mặt tường, nền nhà, cửa kính, đồ nội thất của gia đình, quần áo,...

a) Hiện tượng nồm ẩm xảy ra chủ yếu vào thời kì đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta.

b) Hiện tượng nồm ẩm hình thành do hoạt động của khối khí nhiệt đới bắc Ấn Độ Dương.

c) Trời nồm tạo điều kiện cho nấm mốc, dịch bệnh phát triển.

d) Nhà mặt đất và các tầng thấp sẽ xảy ra nồm ẩm ít hơn các tầng ở trên cao như chung cư, do càng lên cao độ ẩm trong không khí càng cao.

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình và lượng mưa các tháng trong năm 2024 tại Vũng Tàu

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	26,9	27,6	28,3	30,1	30,8	29,4	28,1	29,2	28,1	28,4	28,4	27,0
Lượng mưa (mm)	0,2	0,2	0	0	109,4	334,0	205,6	239,6	245,3	301,7	111,9	89,4

(Nguồn : Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

- a) Vũng Tàu không có mùa đông.
- b) Tổng lượng mưa năm 2024 là trên 2000 mm.
- c) Mùa mưa và mùa khô phân hóa sâu sắc.
- d) Mùa khô ở Vũng Tàu chủ yếu do ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam.

Câu 5: Cho thông tin sau:

Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ 16°B trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.

- a) Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh ẩm.
- b) Gió mùa Đông Bắc tác động yếu đến Bắc Trung Bộ do ảnh hưởng của dãy Bạch Mã.
- c) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ.
- d) Gió mùa Đông Bắc di chuyển quãng đường dài trên lục địa, gây nên thời tiết lạnh khô vào đầu mùa Đông ở miền Bắc.

Câu 6: Cho thông tin sau:

Quá trình feralit được xúc tiến trong môi trường axit, ngoài axit vô cơ từ đá mẹ, còn có sự tham gia của axit nitơ trong nước mưa và axit hữu cơ từ lớp mùn, vì thế đất feralit thường chua, độ pH khoảng 4,5 - 5,5. Sự phong hóa triệt để các khoáng nguyên sinh như fenspat và mica cũng như các khoáng thứ sinh như các silicat Fe và Al, đã giải phóng SiO_2 , Al_2O_3 và Fe_2O_3 . Trong điều kiện mưa nhiều, các cation kiềm, kiềm thổ và cả SiO_2 đều bị rửa trôi mạnh, tạo nên sự tích tụ của khoáng Kaolinit và các xetxkioxyt Fe và Al (R_2O_3).

- a) Đất feralit ở nước ta thường chua, tầng đất mỏng, nhiều oxit sắt và oxit nhôm.
- b) Đất feralit thường bị chua do mưa nhiều làm rửa trôi các chất bazơ dễ tan trong đất.
- c) Sự tích tụ oxit sắt (Fe_2O_3) và oxit nhôm (Al_2O_3) làm đất có màu đỏ vàng đặc trưng.
- d) Đất feralit có nguồn gốc từ đá mẹ axit thường thoáng khí, khả năng giữ nước tốt.

Câu 7: Cho thông tin sau:

Các loài sinh vật nhiệt đới ở nước ta chiếm tỉ lệ cao, thực vật có gần 70%, trong đó điển hình là những cây họ đậu, họ vang, họ dâu tằm, họ dầu,...; động vật đa số là các loài nhiệt đới, điển hình là chim (công, trĩ, gà lôi, vẹt,...), thú (hươu, nai, vượn, khỉ,...) và nhiều loài bò sát, côn trùng đặc trưng của vùng nhiệt đới ẩm.

- a) Các loài thực vật ở nước ta chủ yếu có nguồn gốc nhiệt đới.
- b) Đa dạng sinh học ở Việt Nam rất cao, đặc biệt là về thực vật.
- c) Nước ta có thành phần sinh vật phong phú, đa dạng chủ yếu do tác động của vị trí địa lý và khí hậu.
- d) Thành phần loài sinh vật nhiệt đới ở miền Bắc nước ta phổ biến hơn miền Nam.

Câu 8: Cho thông tin sau:

Tính thất thường của khí hậu và thủy văn gây trở ngại cho các ngành sản xuất; sự phân mùa của khí hậu tạo nên tính mùa vụ trong các hoạt động kinh tế nước ta. Độ ẩm cao còn gây khó khăn cho việc bảo quản máy móc, thiết bị và nông sản.

- a) Độ ẩm cao, tính thất thường của khí hậu và sự phân mùa là những yếu tố gây khó khăn cho nhiều ngành sản xuất ở nước ta.
- b) Một số hoạt động kinh tế ở nước ta diễn ra theo mùa vụ.
- c) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa giúp cho sản xuất nông nghiệp có năng suất cao, ổn định, ít rủi ro.
- d) Nước ta có thể sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của vùng nhiệt đới ẩm.

Câu 9: Cho thông tin sau:

Nước ta nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa châu Á, vào mùa đông chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, có tính chất lạnh, khô; mùa hạ chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam, có tính chất nóng, ẩm. Ngoài ra nước ta còn chịu ảnh hưởng của gió Tín phong bán cầu Bắc và các loại gió địa phương khác.

- a) Gió mùa Đông Bắc đã làm cho miền Bắc nước ta có một mùa đông lạnh.
- b) Hai loại gió mùa hoạt động ở nước ta khác nhau về hướng và tính chất.
- c) Tín phong bán cầu Bắc là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô sâu sắc cho Nam Trung Bộ.

d) Gió mùa Tây Nam thổi vào giữa và cuối mùa hạ là gió Tín phong bán cầu Nam gây mưa làm ngập lụt ở các đồng bằng, những vùng trũng thấp của nước ta.

Câu 10: Cho thông tin sau:

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa là đặc điểm cơ bản và nổi bật nhất của tự nhiên nước ta. Đặc điểm này được biểu hiện trong tất cả các thành phần tự nhiên với mức độ khác nhau: khí hậu, địa hình, sông ngòi, đất và sinh vật. Tính chất này có tác động lớn đến sản xuất và đời sống.

a) Nguồn nhiệt dồi dào tạo thuận lợi chủ yếu để nước ta phát triển nền nông nghiệp cận nhiệt đới với nhiều sản phẩm có giá trị kinh tế cao như chè, hồi, quế,...

b) Tính chất nhiệt đới của sinh vật nước ta bị giảm sút chủ yếu do tác động của vị trí địa lí, gió mùa Đông Bắc và địa hình.

c) Tính chất ẩm của khí hậu được biểu hiện ở tổng lượng mưa và độ ẩm không khí trong năm lớn và tăng dần từ bắc vào nam.

d) Nước ta có nền nhiệt cao, nhiệt độ trung bình năm của cả nước thường lớn hơn 20°C (trừ những vùng núi cao và trung bình).

III. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Tổng số giờ nắng tại trạm quan trắc Bãi Cháy, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: giờ)

Năm	2015	2020	2022	2024
Giờ nắng	1570,7	1453,5	1423,5	1341,1

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết số giờ nắng trung bình của các năm trên ở trạm quan trắc Bãi Cháy là bao nhiêu giờ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Trả lời

Đáp án: $(1570,7 + 1453,5 + 1423,5 + 1341,1) : 4 \approx 1447$

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình tại trạm quan trắc Sơn La, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: °C)

Năm	2015	2020	2022	2024
Nhiệt độ	22,30	22,20	21,58	22,55

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình của các năm trên tại trạm quan trắc Sơn La là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $(22,30 + 22,20 + 21,58 + 22,55) : 4 \approx 22,2$

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại trạm quan trắc Đà Nẵng, năm 2024

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	23,0	24,4	25,9	28,8	29,6	30,8	29,7	30,3	29,2	26,5	25,6	22,4

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt độ không khí trung bình của năm 2024 tại trạm quan trắc Đà Nẵng là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $30,8 - 22,4 = 8,4$

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm của Đà Nẵng năm 2024

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	23,0	24,4	25,9	28,8	29,6	30,8	29,7	30,3	29,2	26,5	25,6	22,4

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình năm 2024 của Đà Nẵng là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Trả lời

Đáp án: $(23,0+24,4+25,9+28,8+29,6+30,8+29,7+30,3+29,2+26,5+25,6+22,4) : 12 \approx 27,2$

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Số giờ nắng các tháng tại trạm quan trắc Quy Nhơn, năm 2024

(Đơn vị: Giờ)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số giờ nắng	166,8	205,7	241,8	303,7	257,5	276,0	192,1	316,2	209,2	138,9	140,0	13,6

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết số giờ nắng trung bình các tháng trong năm tại trạm quan trắc Quy Nhơn năm 2024 là bao nhiêu giờ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Trả lời

Đáp án: $(166,8+205,7+241,8+303,7+257,5+276,0+192,1+316,2+209,2+138,9+140,0+13,6) : 12 \approx 205$

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại Vũng Tàu, năm 2024

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	26,9	27,6	28,3	30,1	30,8	29,4	28,1	29,2	28,1	28,4	28,4	27,0

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình năm 2024 tại Vũng Tàu là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $(26,9+27,6+28,3+30,1+30,8+29,4+28,1+29,2+28,1+28,4+28,4+27,0) : 12 \approx 28,5$

Câu 7: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2024 tại trạm quan trắc Đà Lạt

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	17,2	18,3	19,6	20,9	21,0	20,4	19,2	19,9	19,5	19,1	18,7	17,4

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt độ trung bình năm 2024 tại trạm quan trắc Đà Lạt là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

- Đáp án: $21 - 17,2 = 3,8$

Câu 8: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm tại Hà Nội năm 2024

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,4	19,6	22,1	28,3	28,8	30,9	30,4	30,4	29,2	27,6	25,2	19,6

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm tại Hà Nội năm 2024 là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $(18,4+19,6+22,1+28,3+28,8+30,9+30,4+30,4+29,2+27,6+25,2+19,6) : 12 \approx 25,9$

Câu 9: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất và thấp nhất của Hà Nội năm 2024 (Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất	Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất
Hà Nội	18,4	30,9

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt độ năm 2024 của Hà Nội là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $30,9 - 18,4 = 12,5$

Câu 10: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng tại Huế năm 2024

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	91,3	11,3	38,6	6,6	237,1	91,1	197,8	93,5	527,5	960,5	787,6	644,0

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng lượng mưa của Huế năm 2024 là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Trả lời

Đáp án: $91,3+11,3+38,6+6,6+237,1+91,1+197,8+93,5+527,5+960,5+787,6+644,0 \approx 3687$

Câu 11: Cho bảng số liệu:

Độ ẩm không khí trung bình các tháng trong năm của Huế năm 2024

(Đơn vị: %)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Độ ẩm	90	88	87	75	82	79	80	76	83	89	87	91

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết độ ẩm không khí trung bình 12 tháng trong năm 2024 của Huế là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

- Đáp án: $(90+88+87+75+82+79+80+76+83+89+87+91) : 12 \approx 83,9$

Câu 12: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình các tháng năm 2024 tại trạm quan trắc ở Huế

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	91,3	11,3	38,6	6,6	237,1	91,1	197,8	93,5	527,5	960,5	787,6	644,0

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024 sự chênh lệch lượng mưa giữa tháng có lượng mưa cao nhất và tháng có lượng mưa thấp nhất ở Huế là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Trả lời

Đáp án: $960,5 - 6,6 = 954$

Bài 3. Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

1. Nhận biết

- Câu 1:** Đặc điểm khí hậu tiêu biểu của đai ôn đới gió mùa trên núi ở nước ta là nhiệt độ quanh năm
A. dưới 5°C. B. dưới 10°C. C. dưới 15°C. D. trên 20°C.
- Câu 2:** Đặc điểm nổi bật của địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là vùng đồi núi thấp chiếm ưu thế với
A. Các cao nguyên đất xám lớn. B. Các cao nguyên đất đỏ rộng.
C. Hệ thống các cánh cung núi. D. Các dải núi cao và đồ sộ.
- Câu 3:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam nước ta?
A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn. B. Nhiệt độ trung bình năm trên 25°C.
C. Phân hóa hai mùa mưa và khô rõ rệt. D. Nền nhiệt độ thiên về khí hậu xích đạo.
- Câu 4:** Đặc điểm thiên nhiên nổi bật của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta là
A. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.
B. địa hình có các sơn nguyên bóc mòn và các cao nguyên badan.
C. các dãy núi xen kẽ thung lũng sông hướng tây bắc - đông nam.
D. gió mùa Đông Bắc hoạt động, có mùa đông lạnh nhất ở nước ta.
- Câu 5:** Đặc điểm thiên nhiên nổi bật của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nước ta là
A. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.
B. đồi núi thấp chiếm ưu thế với các dãy núi có hướng vòng cung.
C. địa hình cao, các dãy núi xen thung lũng sông có hướng tây bắc - đông nam.
D. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất ở nước ta.
- Câu 6:** Khu vực có mưa nhiều nhất vào thời kì đầu mùa hạ ở nước ta là
A. Bắc Trung Bộ và Tây Bắc.
B. Đồng bằng sông Hồng và Tây Bắc.
C. vùng cao nguyên phía tây Nam Trung Bộ và đồng bằng Nam Bộ.
D. vùng cao nguyên phía tây Nam Trung Bộ và vùng Bắc Trung Bộ.
- Câu 7:** Khí hậu miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có đặc điểm nào sau đây?
A. Nóng, ẩm quanh năm. B. Cận xích đạo gió mùa.
C. Tính chất ôn hòa. D. Khô hạn quanh năm.
- Câu 8:** Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là
A. cây lá kim và thú có lông dày. B. cây chịu hạn, rụng lá theo mùa.
C. động thực vật cận nhiệt đới. D. động vật và thực vật nhiệt đới.
- Câu 9:** Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?
A. Cảnh quan cận xích đạo gió mùa. B. Cảnh quan nhiệt đới nóng quanh năm.
C. Mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa. D. Cảnh quan giống như vùng ôn đới.
- Câu 10:** Đặc trưng của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là
A. mùa mưa lùi dần về mùa thu - đông. B. gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh.
C. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. D. phân chia hai mùa mưa, khô sâu sắc.
- Câu 11:** Sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao ở nước ta biểu hiện rõ qua các thành phần
A. khí hậu, đất đai, sinh vật. B. sông ngòi, đất đai, khí hậu.
C. sinh vật, đất đai, sông ngòi. D. khí hậu, sinh vật, sông ngòi.
- Câu 12:** Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta có đặc điểm là
A. các tháng đều có nhiệt độ trên 25°C. B. không có tháng nào nhiệt độ trên 20°C.
C. nhiệt độ trung bình các tháng dưới 25°C. D. chỉ có 2 tháng nhiệt độ dưới 25°C.
- Câu 13:** Phát biểu nào sau đây **không** phải là đặc điểm của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta?
A. Trong năm có một mùa đông lạnh. B. Thời tiết thường diễn biến phức tạp.
C. Có một mùa khô sâu sắc kéo dài. D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.
- Câu 14:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao của nước ta?
A. Nhóm đất feralit chiếm phần lớn diện tích đai nhiệt đới gió mùa.
B. Ranh giới đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi miền Bắc thấp hơn miền Nam.
C. Các loài chim di cư thuộc khu hệ Himalaya chỉ có ở độ cao trên 2600m.
D. Đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
- Câu 15:** Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho vùng lãnh thổ phía Bắc là đới rừng
A. nhiệt đới gió mùa. B. xa van và cây bụi.

- C. cận nhiệt đới. D. ôn đới gió mùa.
- Câu 16:** Biểu hiện của cảnh quan thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc là
 A. mùa đông lạnh, tất cả cây rụng lá.
 B. mùa đông lạnh và không có mưa.
 C. mùa đông lạnh ẩm mưa nhiều, các cây rụng lá.
 D. Mùa đông lạnh, mưa ít, nhiều loài cây rụng lá.
- Câu 17:** Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho vùng lãnh thổ phía Nam là
 A. rừng nhiệt đới ẩm gió mùa. B. rừng cận xích đạo gió mùa.
 C. rừng cận nhiệt đới khô. D. rừng xích đạo gió mùa.
- Câu 18:** Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Nam là
 A. xích đạo và nhiệt đới. B. nhiệt đới và cận nhiệt đới.
 C. cận nhiệt đới và xích đạo. D. cận xích đạo và ôn đới.
- Câu 19:** Cảnh quan rừng thưa nhiệt đới khô được hình thành nhiều nhất ở vùng nào sau đây?
 A. Ven biển Bắc Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
 C. Vùng cao nguyên phía tây Nam Trung Bộ. D. Tây Bắc.
- Câu 20:** Đại nhiệt đới gió mùa phân bố ở độ cao trung bình
 A. ở miền Bắc dưới 600 - 700 m; miền Nam dưới 900 - 1000 m.
 B. ở miền Bắc và miền Nam dưới 600 - 700m đến 900 - 1000 m.
 C. ở miền Bắc dưới 900 - 1000 m, miền Nam dưới 600 - 700m.
 D. ở miền Bắc trên 600 - 700 m; miền Nam trên 900 - 1000 m.
- Câu 21:** Nhóm đất có diện tích lớn nhất trong đại nhiệt đới gió mùa là
 A. đất phù sa. B. đất feralit có mùn.
 C. đất feralit. D. đất xám phù sa cổ.
- Câu 22:** Sự phân hóa thiên nhiên của vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo chiều
 A. Bắc - Nam. B. Đông - Tây. C. Độ cao. D. Tây - Đông.
- Câu 23:** Đặc trưng khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc là
 A. Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh. B. Cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.
 C. Cận xích đạo gió mùa nóng quanh năm. D. Nhiệt đới khô gió mùa có mùa đông lạnh.
- Câu 24:** Nhiệt độ trung bình năm ở phần lãnh thổ phía Bắc là
 A. 20°C. B. 22 °C. C. trên 20°C. D. 24 °C.
- Câu 25:** Tác động của gió mùa Đông Bắc mạnh nhất ở vùng
 A. Tây Bắc. B. Đông Bắc.
 C. Bắc Trung Bộ. D. Nam Trung Bộ.
- Câu 26:** Đất ở đai ôn đới gió mùa trên núi chủ yếu là
 A. feralit đỏ vàng. B. feralit có mùn. C. đất mùn. D. đất mùn thô.
- Câu 27:** Trong đai nhiệt đới gió mùa, sinh vật chiếm ưu thế là các hệ sinh thái
 A. ôn đới. B. cận nhiệt đới. C. xa van. D. nhiệt đới.
- Câu 28:** Các nhóm đất chủ yếu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là
 A. đất phù sa và feralit. B. đất feralit và feralit có mùn.
 C. feralit có mùn và đất mùn. D. đất mùn và đất mùn thô.
- Câu 29:** Đặc điểm khí hậu nào sau đây thuộc đai ôn đới gió mùa trên núi?
 A. Nhiệt độ tháng lạnh nhất trên 10°C. B. Nhiệt độ tháng nóng nhất trên 35°C.
 C. Nhiệt độ trung bình năm dưới 5°C. D. Nhiệt độ trung bình năm dưới 15°C.
- Câu 30:** Đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở
 A. Trường Sơn Nam. B. Trường Sơn Bắc.
 C. Hoàng Liên Sơn. D. dãy Bạch Mã.
- Câu 31:** Đặc điểm nổi bật của địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là
 A. chủ yếu là đồi núi cao; đồng bằng mở rộng.
 B. gồm 4 cánh cung lớn; đồng bằng mở rộng.
 C. chủ yếu là đồi núi thấp; đồng bằng mở rộng.
 D. chủ yếu là núi cao, địa hình ven biển đa dạng.
- Câu 32:** Sông ngòi miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm là
 A. dày đặc, sông ngòi đều chảy theo hướng vòng cung.
 B. dày đặc, đều chảy theo hướng tây bắc - đông nam.
 C. dày đặc, chảy theo hướng tây bắc - đông nam và tây - đông.

D. dày đặc, chảy theo hướng vòng cung và tây bắc - đông nam.

Câu 33: Hệ sinh thái đặc trưng của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

A. rừng nhiệt đới lá rộng và lá kim.

B. rừng thưa nhiệt đới và lá kim.

C. rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim.

D. rừng cận nhiệt đới khô và lá kim.

Câu 34: Dãy núi nào sau đây là ranh giới tự nhiên phân chia phần lãnh thổ phía Bắc và phía Nam nước ta?

A. Hoàng Liên Sơn.

B. Trường Sơn Bắc.

C. Trường Sơn Nam.

D. Bạch Mã.

Câu 35: Ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta, nhiệt độ trung bình tháng của các tháng mùa đông có đặc điểm nào sau đây?

A. Có 2 - 3 tháng dưới 18°C .

B. Có 2 - 3 tháng dưới 10°C .

C. Các tháng đều dưới 15°C .

D. Các tháng đều dưới 20°C .

Câu 36: Khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam nước ta có biên độ nhiệt độ trung bình năm trong khoảng bao nhiêu?

A. Không quá từ $2 - 3^{\circ}\text{C}$.

B. Không quá từ $4 - 5^{\circ}\text{C}$.

C. Không quá từ $6 - 7^{\circ}\text{C}$.

D. Không quá từ $8 - 9^{\circ}\text{C}$.

Câu 37: Đặc điểm nào sau đây đúng với vùng thềm lục địa tại khu vực ven biển miền Trung nước ta?

A. Thềm lục địa rất rộng lớn.

B. Thềm lục địa nông và rộng.

C. Thềm lục địa hẹp và sâu.

D. Thềm lục địa nông và hẹp.

Câu 38: Ở khu vực vùng núi nước ta, sự phân hoá thiên nhiên theo Đông - Tây chủ yếu do tác động của

A. Độ cao tuyệt đối địa hình.

B. Hướng của các dãy núi.

C. Hình dáng của lãnh thổ.

D. Vị trí nằm gần biển Đông.

Câu 39: Ở miền Nam nước ta, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi bắt đầu từ độ cao trung bình khoảng

A. Khoảng từ 600 - 700 m.

B. Khoảng từ 900 - 1 000 m.

C. Khoảng từ 1 600 - 1 700 m.

D. Khoảng từ 2 000 - 2 600 m.

Câu 40: Phạm vi đới cảnh quan rừng nhiệt đới gió mùa, biểu hiện rõ rệt nhất là

A. từ dãy Bạch Mã trở ra.

B. từ dãy Hoàng Sơn trở ra.

C. từ dãy Hoàng Sơn trở vào.

D. từ dãy Bạch Mã trở vào.

2. Thông hiểu

Câu 1: Đai cao cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc hạ thấp hơn so với miền Nam chủ yếu vì

A. có nền nhiệt độ thấp hơn.

B. có nền nhiệt độ cao hơn.

C. có nền địa hình thấp hơn.

D. có nền địa hình cao hơn.

Câu 2: Mùa khô ở Bắc Bộ không sâu sắc như ở Nam Bộ nước ta chủ yếu do

A. mạng lưới sông ngòi dày đặc hơn.

B. sự điều tiết của các hồ chứa nước.

C. nguồn nước ngầm phong phú hơn.

D. ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 3: Sự phân hóa thiên nhiên giữa hai khu vực Đông và Tây của dãy Trường Sơn Nam chủ yếu do

A. tác động của gió mùa và hướng các dãy núi.

B. độ cao địa hình và ảnh hưởng của biển.

C. ảnh hưởng của biển và lớp phủ thực vật.

D. độ cao địa hình và hướng các dãy núi.

Câu 4: Lượng nước thiếu hụt vào mùa khô ở miền Bắc không nghiêm trọng như ở miền Nam chủ yếu do

A. nguồn nước ngầm phong phú.

B. mạng lưới sông ngòi dày đặc.

C. sự điều tiết hợp lí của các hồ.

D. có mưa phùn cuối mùa đông.

Câu 5: Ở nước ta, thiên nhiên vùng núi Tây Bắc khác với Đông Bắc ở đặc điểm nào sau đây?

A. Mùa đông đến sớm hơn ở vùng núi thấp.

B. Mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn.

C. Mùa mưa đến sớm và kết thúc muộn hơn.

D. Khí hậu lạnh chủ yếu do gió mùa Đông Bắc.

Câu 6: Biên độ nhiệt độ năm ở phía Bắc cao hơn ở phía Nam, chủ yếu vì phía Bắc

A. có một mùa đông lạnh.

B. có gió phơn Tây Nam.

C. nằm gần chí tuyến hơn.

D. có địa hình cao hơn.

Câu 7: Vùng núi Tây Bắc có nền nhiệt độ thấp chủ yếu là do

A. gió mùa Đông Bắc.

B. độ cao của địa hình.

C. gió mùa đông nam.

D. hướng các dãy núi.

Câu 8: Đặc điểm nổi bật của thiên nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ nước ta là

A. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.

B. đồi núi thấp chiếm ưu thế với các dãy núi có hướng vòng cung.

C. địa hình cao, các dãy núi xen thung lũng sông có hướng tây bắc - đông nam.

D. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

- Câu 9:** Mùa khô ở các tỉnh ven biển cực Nam Trung Bộ kéo dài nhất cả nước chủ yếu là do
A. hoạt động của gió phơn khô nóng. **B.** ảnh hưởng của Tín phong đông bắc.
C. địa hình bờ biển không đón gió mùa. **D.** địa hình núi dốc đứng về phía biển.
- Câu 10:** Điểm khác biệt về khí hậu của Nam Bộ so với vùng ven biển Nam Trung Bộ là
A. mùa mưa ngắn hơn. **B.** mùa mưa sớm hơn.
C. khí hậu cận xích đạo. **D.** nóng quanh năm.
- Câu 11:** Sự phân hoá khí hậu theo độ cao đã tạo khả năng cho vùng nào ở nước ta trồng được nhiều loại cây nhiệt đới, cận nhiệt đới và cả ôn đới?
A. Tây Bắc. **B.** Đồng bằng sông Hồng.
C. Đông Nam Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ.
- Câu 12:** Vùng phía Nam nước ta không có đai ôn đới gió mùa trên núi vì
A. nằm kề vùng biển rộng. **B.** không có độ cao trên 2600 m.
C. không có gió mùa Đông Bắc hoạt động. **D.** nằm gần xích đạo.
- Câu 13:** Mùa mưa ở Nam Bộ thường diễn ra vào thời gian nào sau đây?
A. Quanh năm. **B.** Mùa xuân. **C.** Mùa hạ. **D.** Thu đông.
- Câu 14:** Điểm giống nhau về khí hậu giữa vùng cao nguyên phía tây và đồng bằng ven biển phía đông Nam Trung Bộ là
A. phân chia hai mùa mưa khô rõ rệt. **B.** mùa mưa lùi dần về thu đông.
C. biên độ nhiệt trung bình năm lớn. **D.** mùa hạ có gió phơn Tây Nam.
- Câu 15:** Giữa vùng cao nguyên phía tây và đồng bằng ven biển phía đông Nam Trung Bộ có sự đối lập về mùa mưa và mùa khô là do ảnh hưởng của
A. dãy núi Hoàng Sơn kết hợp với ảnh hưởng của gió mùa.
B. dãy núi Trường Sơn kết hợp với ảnh hưởng của gió mùa.
C. dãy núi Bạch Mã kết hợp với ảnh hưởng của gió mùa.
D. dãy núi Hoàng Liên Sơn kết hợp với ảnh hưởng của biển.
- Câu 16:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với khí hậu của phần phía Nam nước ta?
A. Khí hậu nóng quanh năm. **B.** Không có tháng nào dưới 20°C.
C. Có 2 mùa mưa và khô rõ rệt. **D.** Có mưa phùn vào mùa đông.
- Câu 17:** Hệ sinh thái nào sau đây không thuộc đai nhiệt đới gió mùa ở nước ta?
A. rừng nhiệt đới ẩm. **B.** rừng rụng lá.
C. rừng cận nhiệt đới. **D.** rừng ngập mặn.
- Câu 18:** Những loài động vật nào sau đây không tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Nam?
A. Thú lớn. **B.** Thú có lông dày.
C. Thú có móng vuốt. **D.** Bò sát, lưỡng cư.
- Câu 19:** Sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm từ Bắc vào Nam nước ta như thế nào?
A. Nhiệt độ trung bình tăng dần. **B.** Nhiệt độ trung bình giảm dần.
C. Nhiệt độ trung bình tháng lạnh càng giảm.
D. Nhiệt độ trung bình tháng nóng càng giảm.
- Câu 20:** Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có các loài thực vật ôn đới chủ yếu là do
A. ảnh hưởng mạnh gió mùa Đông Bắc. **B.** có nhiều núi và cao nguyên đồ sộ.
C. có địa hình núi cao từ 2600m trở lên. **D.** có mạng lưới sông ngòi dày đặc.

3. Vận dụng

- Câu 1:** Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là khu vực duy nhất ở nước ta có đầy đủ hệ thống 3 đai cao chủ yếu do
A. có địa hình núi cao đồ sộ với các đỉnh núi trên 2600m.
B. nằm ở vị trí gần chí tuyến và có nhiều cánh cung núi.
C. địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế và có hướng vòng cung.
D. chịu tác động của Tín phong và có nhiều cao nguyên badan.
- Câu 2:** Cơ cấu cây trồng của phần lãnh thổ phía Bắc đa dạng hơn phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do
A. có một mùa đông lạnh và sự phân hóa khí hậu theo độ cao.
B. diện tích đất phù sa rộng lớn và nguồn nước tưới dồi dào.
C. chịu tác động mạnh của gió mùa hạ và dải hội tụ nhiệt đới.
D. địa hình chủ yếu là cao nguyên xếp tầng và ít bị chia cắt.
- Câu 3:** Sinh vật của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đặc điểm là
A. không có loài thực vật và động vật cận nhiệt đới.
B. thành phần loài sinh vật đa dạng với 3 luồng di cư.

C. không có các loài thực vật và động vật nhiệt đới.

D. không phát triển được hệ sinh thái rừng lá rộng.

Câu 4: Biểu hiện nào sau đây **không** thể hiện rõ sự khác nhau về khí hậu giữa hai miền Nam, Bắc?

A. Lượng mưa.

B. Số giờ nắng.

C. Lượng bức xạ.

D. Nhiệt độ trung bình.

Câu 5: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho nhiệt độ trung bình vào mùa đông ở Tây Bắc cao hơn Đông Bắc?

A. Thực vật suy giảm.

B. Gió phơn Tây Nam.

C. Hướng các dãy núi.

D. Có vĩ độ thấp hơn.

Câu 6: Khu vực nam Tây Bắc có mùa hạ đến sớm hơn vùng Đông Bắc chủ yếu do

A. ít chịu tác động của gió mùa đông bắc.

B. gió mùa Tây Nam đến sớm hơn.

C. gió mùa đông bắc đến muộn hơn.

D. chịu ảnh hưởng của biển nhiều hơn.

Câu 7: Điểm giống nhau về tự nhiên của vùng phía đông và phía tây dãy Trường Sơn Nam là

A. mùa mưa vào thu - đông.

B. mùa mưa vào hè - thu.

C. có một mùa khô sâu sắc.

D. có gió Tây khô nóng.

Câu 9: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với đai ôn đới gió mùa trên núi ở nước ta?

A. Duy nhất có ở vùng núi Tây Bắc.

B. Nhiệt độ quanh năm dưới 15°C.

C. Diện tích đất feralit có mùn lớn.

D. Các sinh vật ôn đới chiếm ưu thế.

Câu 10: Nguyên nhân chủ yếu làm xuất hiện đất mùn thô ở đai ôn đới gió mùa trên núi nước ta là do

A. sinh vật ít.

B. địa hình dốc.

C. độ ẩm tăng.

D. nhiệt độ thấp.

Câu 11: Kiểu thời tiết điển hình của Nam Bộ nước ta trong thời gian từ tháng XI đến tháng IV năm sau là

A. nắng, nóng, trời nhiều mây.

B. nắng, ít mây và mưa nhiều.

C. nắng, ổn định, tạnh ráo.

D. nắng nóng và mưa nhiều.

Câu 12: Đặc điểm địa hình nổi bật của đồng bằng Nam Bộ nước ta là

A. đường bờ biển khúc khuỷu.

B. thềm lục địa mở rộng, nông.

C. nhiều vũng, vịnh nước sâu.

D. phổ biến cồn cát, đầm phá.

Câu 13: Đặc điểm địa hình nổi bật của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

A. gồm nhiều khối núi, cao nguyên ba-dan.

B. các khối núi cao chiếm phần lớn diện tích.

C. các sơn nguyên, cao nguyên đá vôi đồ sộ.

D. hướng núi phổ biến là tây bắc - đông nam.

Câu 14: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chịu tác động mạnh của gió mùa Đông Bắc?

A. Độ cao và hướng các dãy núi.

B. Vị trí địa lí và hướng các dãy núi.

C. Vị trí địa lí và độ cao địa hình.

D. Hướng các dãy núi và biển Đông.

Câu 15: Nguyên nhân chủ yếu gây ra sự phân hóa nhiệt độ vào tháng I ở miền khí hậu phía Bắc của nước ta là

A. cánh cung đón gió, frông cực, chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.

B. các dãy núi cao, gió mùa đông hoạt động thất thường, frông cực.

C. gió đông bắc, độ cao địa hình, phạm vi trải dài trên nhiều vĩ độ.

D. gần chí tuyến Bắc, địa hình phân hóa đa dạng, dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 16: Đặc điểm chung về tự nhiên của vùng đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ nước ta là

A. mở rộng với bãi triều thấp phẳng, thềm lục địa rộng và nông.

B. gồm nhiều đồng bằng nhỏ hẹp, đường bờ biển khúc khuỷu.

C. tiếp giáp với các vùng biển sâu, thềm lục địa thu hẹp nhanh.

D. thiên nhiên khắc nghiệt, đất đai đa dạng song kém màu mỡ.

Câu 17: Đặc điểm thiên nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

A. có mùa đông lạnh, các loài thực vật phương Bắc chiếm ưu thế.

B. gió mùa Đông Bắc suy giảm ảnh hưởng, tính nhiệt đới tăng dần.

C. đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích, có bốn cánh cung núi lớn.

D. biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ, có mùa mưa và khô rõ rệt.

Câu 18: Vùng đồng bằng và biển Trung Bộ có đặc điểm

A. thềm lục địa hẹp, giáp vùng biển sâu; thiên nhiên khắc nghiệt.

B. thềm lục địa nông, nhiều cồn cát, đầm phá; thiên nhiên khắc nghiệt.

C. thềm lục địa nông, nhiều cồn cát, đầm phá; thiên nhiên đa dạng.

D. thêm lục địa hẹp, nhiều cồn cát, đầm phá; đất đa dạng, màu mỡ.

Câu 19: Đặc điểm khác biệt nhất của Đồng bằng Sông Cửu Long so với Đồng bằng Sông Hồng là

A. có đất nhiễm phèn.

B. có nhiều đất phù sa sông.

C. có đất nhiễm mặn.

D. khí hậu nóng quanh năm.

Câu 20: Gió mùa Tây Nam đến sớm hơn đã làm cho khu vực Nam Tây Bắc có

A. mùa hạ đến sớm hơn vùng núi Đông Bắc.

B. mùa hạ ngắn hơn ở vùng núi Đông Bắc.

C. mùa hạ đến muộn hơn vùng núi Đông Bắc.

D. mùa hạ kết thúc sớm hơn vùng Đông Bắc.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1: Cho thông tin sau:

Dải đất ven biên giới phía Bắc của nước ta có khí hậu gần kiểu á nhiệt đới, vùng núi cao khí hậu như vùng ôn đới, vùng đồi núi thấp có khí hậu như châu thổ sông Hồng. Người ta có thể khai thác điều kiện đặc biệt đó để phát triển sản xuất và sinh hoạt.

a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam nước ta.

b) Ở miền Bắc, nếu xét cùng độ cao, các vùng lãnh thổ có vĩ độ cao nhiệt độ thấp hơn các vùng lãnh thổ có vĩ độ thấp.

c) Sinh vật của miền Bắc ít đa dạng nhất trong các vùng lãnh thổ cả nước do có gió mùa đông và địa hình cao nhất.

d) Ở nước ta, các qui luật của lớp vỏ địa lý biểu hiện rõ ràng nhất ở phần lãnh thổ từ dãy Bạch Mã trở ra Bắc.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Địa hình của miền chủ yếu là đồi núi thấp và đồng bằng, có nhiều dãy núi hướng vòng cung. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh và kéo dài nhất nước ta. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là rừng nhiệt đới ẩm gió mùa. Ngoài ra, ở vùng núi cao có sự xuất hiện của các loài sinh vật cận nhiệt và ôn đới.

a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

b) Trong miền, thành phần loài sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế với các kiểu rừng nhiệt đới ẩm gió mùa, rừng trên núi đá vôi.

c) Thực vật chính của miền là các cây họ Dầu với khả năng chịu hạn tốt, rụng lá theo mùa.

d) Mùa đông lạnh và kéo dài nhất nước ta chủ yếu do địa hình phần lớn là đồi núi thấp.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Nằm ở độ cao trung bình dưới 600 - 700 m ở miền Bắc và dưới 900 - 1000 m ở miền Nam. Tổng nhiệt hoạt động năm trên 7500°C; mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình các tháng trên 25°C; độ ẩm thay đổi theo mùa và theo khu vực. Có hai nhóm đất chính là đất phù sa ở vùng đồng bằng và đất feralit ở vùng đồi núi thấp.

a) Đây là đặc điểm của đai cận nhiệt đới gió mùa.

b) Sinh vật phổ biến ở đai này là các loài cận nhiệt và ôn đới, xen kẽ một số loài nhiệt đới.

c) Mùa hạ nóng do ảnh hưởng chủ yếu của địa hình, hoạt động của gió mùa và bức xạ Mặt Trời.

d) Đất feralit chiếm ưu thế do tác động chủ yếu của yếu tố địa hình, khí hậu và đá mẹ.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Số giờ nắng ở Việt Nam có sự khác biệt rất mạnh giữa các vùng, nơi nhiều nhất gấp đôi nơi ít nhất. Nói chung miền Bắc vĩ tuyến 16°B có số giờ nắng ít hơn ở miền Nam, nếu ở miền Bắc số giờ nắng dao động từ 1 400 đến 2 000 giờ, thì miền Nam dao động từ 2 000 đến 3 000 giờ. Trong mỗi miền lại có sự phân hóa riêng.

a) Do nằm trong vùng nội chí tuyến nên nước ta có tổng số giờ nắng lớn.

b) Số giờ nắng thay đổi từ bắc vào nam do sự thay đổi của góc nhập xạ và ảnh hưởng của địa hình.

c) Giờ nắng có sự khác nhau trên lãnh thổ chủ yếu do hoạt động của gió mùa Đông Bắc và vị trí.

d) Miền Nam có số giờ nắng lớn hơn miền bắc do vị trí và không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 5: Cho thông tin sau:

Nằm ở độ cao trung bình dưới 600 - 700m ở miền Bắc và dưới 900 - 1000 m ở miền Nam. Mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình các tháng trên 25°C; độ ẩm thay đổi theo mùa và theo khu vực. Có hai nhóm đất chính là đất phù sa ở vùng đồng bằng và đất feralit ở vùng đồi núi thấp.

a) Đây là đặc điểm của đai cận nhiệt đới gió mùa.

b) Có hệ sinh thái rừng ôn đới chiếm ưu thế.

c) Mùa hạ nóng do ảnh hưởng vị trí địa lí và hoạt động của gió mùa hạ.

d) Đất feralit chiếm ưu thế do tác động chủ yếu của yếu tố địa hình và khí hậu.

Câu 6: Cho thông tin sau:

Sự thất thường trong chế độ nhiệt chủ yếu diễn ra ở miền Bắc, nơi mà gió mùa đông bắc đã mang lại không khí lạnh từ vùng ôn đới, số tháng có nhiệt độ xấp xỉ giá trị trung bình ở vùng Đông Bắc chỉ khoảng 30%, ở đồng bằng Bắc Bộ là 40%, còn ở Tây Bắc và Bắc Trung Bộ được trên 50%. Cường độ thất thường được thể hiện qua sự dao động của nhiệt độ năm lạnh nhất và năm nóng nhất so với trị số trung bình.

a) Gió mùa Đông Bắc làm thời tiết miền Bắc nước ta có nửa đầu mùa đông lạnh khô, nửa sau lạnh ẩm.

b) Thời tiết ở miền Bắc vào mùa đông thất thường do gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc, frông.

c) Do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên vùng lãnh thổ phía Bắc nước ta có biên độ nhiệt năm cao.

d) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân chủ yếu làm cho chế độ nhiệt của nước ta có sự phân hóa theo chiều Đông - Tây.

Câu 7: Cho thông tin sau:

Lượng bốc hơi cũng như mọi yếu tố trong khí hậu gió mùa, đều có nhịp điệu mùa. Ở Bắc Bộ, do gió mùa đông bắc vừa hạ thấp nhiệt độ, vừa mang lại nhiều mây và mưa nhỏ, nhất là vào cuối mùa đông, nên lượng bốc hơi cao nhất vào mùa hạ, chủ yếu vào đầu mùa (tháng V, VI, VII), ngoài ra là vào mùa thu (tháng X, XI), còn lượng bốc hơi giảm vào mùa đông, cực tiểu vào các tháng mưa phùn (II, III).

a) Các tháng đầu và cuối mỗi mùa đều có lượng mưa nhỏ hơn.

b) Mùa khô ở Bắc Bộ không sâu sắc như Nam Bộ do có mưa phùn cuối đông.

c) Cân bằng ẩm của nước ta luôn dương do lượng mưa lớn hơn lượng bốc hơi.

d) Các yếu tố làm tăng cường sức bốc hơi cho Bắc Trung Bộ là gió, địa hình, thảm thực vật.

Câu 8: Cho thông tin sau:

Tháng mưa cực đại ở Bắc Bộ là tháng VIII, ở Bắc Trung Bộ là tháng IX, ở Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ là tháng X - XI, ở Nam Bộ lại là IX - X. Như vậy sự hoạt động của dải hội tụ nội chí tuyến là nguyên nhân gây mưa chính ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Nam Bộ, còn ở Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ có thêm mưa địa hình và mưa frông.

a) Bắc Bộ có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của Tín phong bán cầu Bắc và địa hình vùng núi.

b) Nguyên nhân tháng mưa cực đại lùi dần từ Bắc vào Nam là do sự lùi dần của dải hội tụ nhiệt đới và bão.

c) Mùa mưa của vùng khí hậu Nam Trung Bộ đến muộn hơn so với cả nước chủ yếu do địa hình khuất gió.

d) Dải hội tụ hướng vĩ tuyến ở nước ta nằm giữa hai khối khí Bắc Ấn Độ Dương và chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 9: Cho thông tin sau:

Phan-xi-păng là đỉnh núi cao nhất nước ta với độ cao 3147 m, nằm trên dãy núi Hoàng Liên Sơn. Phan-xi-păng là một ngọn núi với thiên nhiên kỳ vĩ, ẩn chứa cả một thảm thực vật với nhiều loài đặc hữu. Phía dưới chân núi là những loài nhiệt đới như cây gạo, cây mít, từ 700 m trở lên là tầng cây hạt trần như cây pơ mu, thông đỏ,...Lên cao trên 2600 m khí hậu mang sắc thái vùng ôn đới, nhiệt độ trung bình hàng năm là dưới 15°C, vào các tháng mùa đông là dưới 5°C, có lúc xuống dưới 0°C và có tuyết rơi.

a) Thiên nhiên dãy núi Hoàng Liên Sơn có 2 đai cao. .

b) Càng lên cao nhiệt độ càng giảm, tính nhiệt đới tăng dần.

c) Đai cao từ 700m đến 2600m có khí hậu mang tính chất cận nhiệt đới gió mùa.

d) Thiên nhiên nước ta phân hóa theo độ cao do địa hình đồi núi và gió mùa.

Câu 10: Cho thông tin sau:

Địa hình đa dạng, đồi núi thấp chiếm ưu thế, hướng của các dãy núi theo hướng vòng cung, cao ở phía bắc, thấp dần về phía nam. Đồng bằng tương đối rộng và bằng phẳng. Địa hình caxtơ khá phổ biến, tiêu biểu ở Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn...Bờ biển đa dạng: nơi thấp phẳng, nơi nhiều vịnh, đảo như vùng biển tỉnh Quảng Ninh.

a) Đây là đặc điểm của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ ở nước ta.

b) Địa hình của miền có nhiều thuận lợi cho phát triển ngành du lịch.

c) Địa hình thấp, hướng núi vòng cung là điều kiện khiến cho gió mùa Đông Bắc lấn sâu vào lãnh thổ nước ta.

d) Các cánh cung tạo bức chắn địa hình với gió mùa Đông Nam gây nên khô hạn kéo dài cho các vùng khuất gió.

III. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Ở độ cao 100 m sườn đón gió trên dãy núi Bi Doup có nhiệt độ là 23°C . Hãy cho biết, ở độ cao 150 m sườn khuất gió trên dãy núi Bi Doup có nhiệt độ là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (biết rằng đỉnh núi Bi Doup cao 2287 m). (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

- Nhiệt độ tại đỉnh núi Bi Doup là: $23 - (2187 : 100 \times 0,6) = 9,878^{\circ}\text{C}$.

Đáp án: $9,878 + (2137 : 100 \times 1) \approx 31,2$

Câu 2: Biết nhiệt độ chênh lệch giữa chân núi sườn khuất gió và chân núi sườn đón gió của một đỉnh núi là 10°C . Hãy cho biết độ cao của đỉnh núi đó là bao nhiêu mét? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Trả lời

- Theo quy luật, cứ 100 m bên sườn khuất gió và 100 m bên sườn đón gió sẽ chênh lệch nhiệt độ là: $1 - 0,6 = 0,4^{\circ}\text{C}$.

Đáp án: $(10 : 0,4) \times 100 = 2500 \text{ m}$

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2024 tại Vinh

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	110,5	32,1	55,2	14,2	150,1	60,2	224,0	22,2	882,5	403,2	148,5	43,4

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tháng mưa nhiều nhất ở Vinh năm 2024 gấp bao nhiêu lần tháng mưa ít nhất (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $882,5 : 14,2 \approx 62,1$

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình tại trạm quan trắc Vinh, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Năm	2015	2020	2022	2024
Nhiệt độ	25,50	25,40	24,71	25,73

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết chênh lệch giữa năm có nhiệt độ không khí trung bình cao nhất và năm có nhiệt độ không khí trung bình thấp nhất tại trạm quan trắc Vinh là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $25,73 - 24,71 = 1,02$

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình tại trạm quan trắc Vinh và Quy Nhơn, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Năm	2015	2020	2022	2024
Vinh	25,50	25,40	24,71	25,73
Quy Nhơn	27,50	27,60	27,24	27,92

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm có nhiệt độ không khí trung bình thấp nhất tại trạm quan trắc Quy Nhơn cao hơn tại trạm quan trắc Vinh bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$ (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $27,24 - 24,71 = 2,53$

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Độ ẩm không khí các tháng trong năm 2024 tại trạm quan trắc Vinh và trạm quan trắc Cà Mau

(Đơn vị: %)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Vinh	90	90	89	81	82	71	76	72	84	80	86	82
Cà Mau	72	74	75	72	78	79	81	85	87	84	77	75

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024, độ ẩm không khí trung bình tại trạm quan trắc Vinh cao hơn độ ẩm không khí trung bình tại trạm quan trắc Cà Mau là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

- Độ ẩm không khí trung bình tại trạm Vinh là: $(90 + 90 + 89 + 81 + 82 + 71 + 76 + 72 + 84 + 80 + 86 + 82) : 12 = 81,91666667\%$
- Độ ẩm không khí trung bình tại trạm Cà Mau là: $(72 + 74 + 75 + 72 + 78 + 79 + 81 + 85 + 87 + 84 + 77 + 75) : 12 = 78,25\%$

Đáp án: $81,91666667 - 78,25 \approx 3,7$

Câu 7: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình tại trạm quan trắc Hà Nội và Nha Trang, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Năm	2015	2020	2022	2024
Hà Nội	25,30	25,30	24,96	25,88
Nha Trang	27,40	27,60	27,22	27,94

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm có nhiệt độ không khí trung bình cao nhất tại trạm quan trắc Nha Trang cao hơn tại trạm quan trắc Hà Nội bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $27,94 - 25,88 = 2,06$

Câu 8: Cho bảng số liệu:

Tổng lượng mưa các năm tại trạm quan trắc Hà Nội và trạm quan trắc Nha Trang, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: mm)

Năm	2015	2020	2022	2024
Hà Nội	1520,0	1746,4	2204,9	1945,3
Nha Trang	1450,5	1225,8	1789,7	955,5

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết lượng mưa của năm có lượng mưa thấp nhất tại trạm quan trắc Hà Nội cao hơn lượng mưa của năm có lượng mưa thấp nhất tại trạm quan trắc Nha Trang là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Trả lời

Đáp án: $1520,0 - 955,5 \approx 565$

Câu 9: Cho bảng số liệu:

Độ ẩm không khí trung bình tại trạm quan trắc Hà Nội và trạm quan trắc Cà Mau, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: %)

Năm	2015	2020	2022	2024
Hà Nội	78,30	75	74,25	75,17
Cà Mau	80	78,80	78,67	78,25

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết độ ẩm không khí của năm có độ ẩm không khí thấp nhất tại trạm quan trắc Cà Mau cao hơn độ ẩm không khí của năm có độ ẩm không khí thấp nhất tại trạm quan trắc Hà Nội là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $78,25 - 74,25 = 4,0$

Câu 10: Cho bảng số liệu:

Mức nước cao nhất của các năm ở sông Hồng (trạm Hà Nội) và sông Cửu Long (trạm Tân Châu)

(Đơn vị: cm)

Năm	2015	2020	2022	2024
Sông Hồng	576	604	726	1130

Sông Cửu Long	255	288	364	338
---------------	-----	-----	-----	-----

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết trung bình mực nước cao nhất của các năm trên ở sông Hồng (trạm Hà Nội) cao hơn trung bình mực nước cao nhất của các năm trên ở sông Cửu Long (trạm Tân Châu) là bao nhiêu cm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Trả lời

- Trung bình mực nước cao nhất của sông Hồng là: $(576 + 604 + 726 + 1130) : 4 = 759$ cm
- Trung bình mực nước cao nhất của sông Cửu Long là: $(255 + 288 + 364 + 338) : 4 = 311,25$ cm

Đáp án: $759 - 311,25 \approx 448$

Câu 11: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng năm 2025 tại trạm quan trắc Hà Nội

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,8	17,5	21,4	25,5	28,2	30,5	30,2	29,7	26,8	21,6	21,4	25,1

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ trung bình các tháng nóng (từ tháng 4 đến tháng 9) năm 2025 ở trạm Hà Nội là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $(25,5+28,2+30,5+30,2+29,7+26,8) : 6 \approx 28,5$

Câu 12: Cho bảng số liệu:

Mực nước cao nhất của các năm ở sông Lô (trạm Tuyên Quang) và sông Cả (trạm Dừa)

(Đơn vị: cm)

Năm	2015	2020	2022	2024
Sông Lô	2131	1958	2203	2773
Sông Cả	1984	2129	2277	2220

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết trung bình mực nước cao nhất của các năm trên ở sông Lô (trạm Tuyên Quang) cao hơn trung bình mực nước cao nhất của các năm trên ở sông Cả (trạm Dừa) là bao nhiêu cm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Trả lời

- Trung bình mực nước cao nhất của sông Lô là: $(2131 + 1958 + 2203 + 2773) : 4 = 2266,25$ cm
- Trung bình mực nước cao nhất của sông Cả là: $(1984 + 2129 + 2277 + 2220) : 4 = 2152,5$ cm

Đáp án: $2266,25 - 2152,5 \approx 114$

Câu 13: Cho bảng số liệu:

Tổng lượng mưa các năm tại trạm quan trắc Tuyên Quang và trạm quan trắc Vũng Tàu, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: mm)

Năm	2015	2020	2022	2024
Tuyên Quang	2173,7	1519,8	2436,2	1792,5
Vũng Tàu	1279,5	1423,9	1649,7	1637,3

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết lượng mưa của năm có lượng mưa cao nhất tại trạm quan trắc Tuyên Quang cao hơn lượng mưa của năm có lượng mưa cao nhất tại trạm quan trắc Vũng Tàu là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Trả lời

Đáp án: $2436,2 - 1649,7 \approx 787$

Câu 14: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại trạm quan trắc Tuyên Quang và Cà Mau, năm 2024

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----

Tuyên Quang	18,0	19,8	22,1	28,0	27,9	29,6	29,5	29,3	28,4	26,0	23,7	18,1
Cà Mau	27,2	28,0	28,9	30,5	30,2	29,3	28,0	28,6	28,6	29,0	28,6	27,1

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt độ không khí trung bình năm 2024 tại trạm quan trắc Tuyên Quang cao hơn biên độ nhiệt độ không khí trung bình tại trạm quan trắc Cà Mau bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

- Biên độ nhiệt độ không khí trung bình tại Tuyên Quang là: $29,6 - 18,0 = 11,6^{\circ}\text{C}$.

- Biên độ nhiệt độ không khí trung bình tại Cà Mau là: $30,5 - 27,1 = 3,4^{\circ}\text{C}$.

Đáp án: $11,6 - 3,4 = 8,2$

Câu 15: Cho bảng số liệu:

Độ ẩm không khí trung bình tại trạm quan trắc Tuyên Quang và trạm quan trắc Đà Lạt, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: %)

Năm	2015	2020	2022	2024
Tuyên Quang	80,30	81,50	80	81,75
Đà Lạt	84	85,10	86,50	86,25

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết độ ẩm không khí của năm có độ ẩm không khí cao nhất tại trạm quan trắc Đà Lạt cao hơn độ ẩm không khí của năm có độ ẩm không khí cao nhất tại trạm quan trắc Tuyên Quang là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $86,50 - 80 = 6,5$

Câu 16: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình tại trạm quan trắc Bãi Cháy và Nha Trang, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Năm	2015	2020	2022	2024
Bãi Cháy	24,40	24,60	23,69	24,63
Nha Trang	27,40	27,60	27,22	27,94

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm có nhiệt độ không khí trung bình thấp nhất tại trạm quan trắc Nha Trang cao hơn tại trạm quan trắc Bãi Cháy bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $27,22 - 23,69 = 3,53$

Câu 17: Cho bảng số liệu:

Độ ẩm không khí trung bình tại trạm quan trắc Bãi Cháy và trạm quan trắc Nha Trang, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: %)

Năm	2015	2020	2022	2024
Bãi Cháy	82,80	81	81,33	82
Nha Trang	77	77,30	79,67	77,17

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết độ ẩm không khí của năm có độ ẩm không khí thấp nhất tại trạm quan trắc Bãi Cháy cao hơn độ ẩm không khí của năm có độ ẩm không khí thấp nhất tại trạm quan trắc Nha Trang là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $81 - 77 = 4,0$

Câu 18: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình năm tại trạm quan trắc Đà Nẵng, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Năm	2015	2020	2022	2024
-----	------	------	------	------

Nhiệt độ	26,70	26,80	26,35	27,18
----------	-------	-------	-------	-------

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết chênh lệch nhiệt độ giữa năm có nhiệt độ không khí trung bình cao nhất và năm có nhiệt độ không khí trung bình thấp nhất tại trạm quan trắc Đà Nẵng là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: 27,18 - 26,35 = 0,83

Câu 19: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng ở Nha Trang và Đà Lạt năm 2025

(Đơn vị : mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đà Lạt	8,0	6,3	8,7	110,5	231,3	256,0	124,4	302,1	418,3	205,6	352,3	147,8
Nha Trang	37,7	62,7	39,9	5,0	46,9	19,8	5,0	80,2	233,6	423,2	625,0	106,1

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết sự chênh lệch tổng lượng mưa năm 2025 của Đà Lạt và Nha Trang là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Trả lời

- Tổng lượng mưa của Đà Lạt:

$8,0+6,3+8,7+110,5+231,3+256,0+124,4+302,1+418,3+205,6+352,3+147,8 = 2171,3$ mm

- Tổng lượng mưa của Nha Trang:

$37,7+62,7+39,9+5,0+46,9+19,8+5,0+80,2+233,6+423,2+625,0+106,1 = 1685,1$ mm

- **Đáp án: 2171,3 - 1685,1 ≈ 486**

Câu 20: Cho bảng số liệu:

Mức nước sông Đà (trạm Lai Châu) và sông Lục Nam (trạm Chũ), năm 2024

(Đơn vị: cm)

Mức nước	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	21526	19705
Sông Lục Nam	4815	175

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024, chênh lệch giữa mức nước cao nhất và mức nước thấp nhất của sông Lục Nam (trạm Chũ) lớn hơn chênh lệch giữa mức nước cao nhất và mức nước thấp nhất của sông Đà (trạm Lai Châu) là bao nhiêu cm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Trả lời

- Chênh lệch mức nước của sông Đà là: $21526 - 19705 = 1821$ cm

- Chênh lệch mức nước của sông Lục Nam là: $4815 - 175 = 4640$ cm

Đáp án: 4640 - 1821 = 2819

Bài 5. Vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

1. Nhận biết

Câu 1: Đối với vùng đồng bằng ven biển, biện pháp nào sau đây giúp hạn chế tình trạng khô hạn và mặn hóa?

A. Làm ruộng bậc thang cao.

B. Đào các hố vảy cá độc.

C. Xây dựng hệ thống thủy lợi.

D. Bón nhiều phân hóa học.

Câu 2: Hoạt động nào sau đây ở nông thôn nước ta là nguồn gốc chủ yếu gây ra tình trạng ô nhiễm bụi?

A. Sử dụng thuốc trừ sâu.

B. Đốt các phụ phẩm nông nghiệp.

C. Các hoạt động du lịch núi.

D. Chế biến các mặt hàng gỗ.

Câu 3: Để giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu tại vùng ven biển, nước ta cần ưu tiên giải pháp nào?

A. Trồng rừng ngập mặn ven.

B. Đào nhiều hồ đầm trên cát.

C. Làm ruộng bậc thang ven.

D. Bón phân hữu cơ cho đất.

Câu 4: Biểu hiện tính đa dạng cao của sinh vật tự nhiên ở nước ta là

A. loài, các kiểu hệ sinh thái, gen quý hiếm

B. gen, hệ sinh thái, loài thú.

C. loài thú, hệ sinh thái.

D. loài cá, gen, hệ sinh thái.

Câu 5: Tài nguyên sinh vật nước ta đang bị suy giảm biểu hiện ở

A. số lượng cá thể các loài động vật, thực vật tăng.

- B.** số lượng cá thể và loài động vật hoang dã tăng.
C. hệ sinh thái rừng nguyên sinh chiếm diện tích lớn nhất.
D. một số loài động vật, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng.
- Câu 6:** Hoạt động nông nghiệp nào sau đây có nguy cơ cao dẫn tới suy giảm tài nguyên đất?
A. Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ. **B.** Tăng cường việc trồng lúa nước.
C. Sử dụng thuốc trừ sâu, phân hóa học. **D.** Áp dụng nhiều kỹ thuật khác nhau.
- Câu 7:** Biểu hiện của sự suy thoái tài nguyên đất ở khu vực đồi núi là
A. nhiễm mặn. **B.** nhiễm phèn. **C.** gây hóa. **D.** xói mòn.
- Câu 8:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng tự nhiên nước ta suy giảm nhanh là
A. biến đổi khí hậu. **B.** rừng trồng ít.
C. khai thác quá mức. **D.** chiến tranh.
- Câu 9:** Phát biểu nào sau đây không đúng với tài nguyên rừng của nước ta?
A. Tổng diện tích rừng đang tăng lên. **B.** Tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái.
C. Diện tích rừng giàu chiếm tỉ lệ lớn. **D.** Chất lượng rừng chưa thể phục hồi.
- Câu 10:** Nguyên nhân về mặt tự nhiên làm suy giảm tài nguyên sinh vật ở nước ta là
A. phát triển nông nghiệp. **B.** biến đổi khí hậu.
C. chiến tranh tàn phá. **D.** săn bắt động vật.
- Câu 11:** Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự ô nhiễm môi trường nước là
A. chất thải, nước thải không được xử lý. **B.** sự phát triển đa dạng của các làng nghề.
C. sự phát triển nhanh của công nghiệp. **D.** dân số đông và gia tăng nhanh chóng.
- Câu 12:** Để hạn chế xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi cần thực hiện biện pháp kỹ thuật canh tác nào sau đây?
A. Ngăn chặn du canh, du cư. **B.** Áp dụng biện pháp nông - lâm kết hợp.
C. Bảo vệ rừng và đất rừng. **D.** Làm ruộng bậc thang, đào hố vẩy cá.
- Câu 13:** Hạn chế lớn nhất về tự nhiên để phát triển nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long là
A. ngập lụt và triều cường ngày càng tăng. **B.** tài nguyên rừng đang suy giảm.
C. diện tích đất nhiễm phèn, nhiễm mặn lớn. **D.** tài nguyên khoáng sản hạn chế.
- Câu 14:** Biện pháp nào sau đây được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta?
A. Làm ruộng bậc thang. **B.** Chống nhiễm mặn.
C. Trồng cây theo băng. **D.** Đào hố kiểu vẩy cá.
- Câu 15:** Phát biểu nào sau đây đúng về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay?
A. Chất lượng rừng đã được phục hồi hoàn toàn.
B. Rừng nghèo và mới phục hồi chiếm tỉ lệ lớn.
C. Diện tích rừng giảm nhanh, liên tục.
D. Diện tích rừng giàu chiếm tỉ lệ lớn.
- Câu 16:** Tính đa dạng sinh học cao thể hiện ở
A. số lượng thành phần loài. **B.** sự phát triển của sinh vật.
C. diện tích rừng lớn. **D.** sự phân bố sinh vật.
- Câu 17:** Loại đất hiện nay đang chiếm tỉ trọng thấp nhất trong cơ cấu sử dụng đất của nước ta là
A. nhóm đất nông nghiệp. **B.** nhóm đất phi nông nghiệp.
C. nhóm đất chưa sử dụng. **D.** nhóm đất có rừng giàu.
- Câu 18:** Văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây quy định về việc bảo vệ tài nguyên đất ở nước ta?
A. Luật Đất đai hiện hành. **B.** Luật Tài nguyên nước mới.
C. Luật Lâm nghiệp quốc gia. **D.** Luật Thủy sản Việt Nam.
- Câu 19:** Một trong những giải pháp về mặt pháp lý để sử dụng hợp lý tài nguyên sinh vật ở nước ta là
A. mở rộng nương rẫy mới. **B.** khai thác gỗ để xuất khẩu.
C. thực hiện Luật Đa dạng sinh học. **D.** đẩy mạnh việc di dân tự do.
- Câu 20:** Ở các thành phố lớn của nước ta hiện nay, vấn đề ô nhiễm không khí chủ yếu thể hiện qua
A. nồng độ khí Ni-tơ rất cao. **B.** nồng độ của bụi mịn (PM).
C. nồng độ khí Mê-tan cao. **D.** nồng độ khí Clo độc hại.

2. Thông hiểu

- Câu 1:** Việc quản lý tài nguyên nước của nước ta phải bảo đảm tính thống nhất theo lưu vực sông chủ yếu nhằm
A. bảo đảm sự công bằng trong khai thác, sử dụng.
B. tăng nhanh sản lượng đánh bắt thủy sản nội địa.
C. hạn chế hoàn toàn hiện tượng sạt lở ven bờ sông.

D. thay đổi hướng chảy của các hệ thống sông chính.

Câu 2: Tình trạng suy giảm số lượng cá thể các loài thực vật và động vật hoang dã ở nước ta dẫn đến hệ quả là

- A. làm mất đi các nguồn gen sinh vật quý hiếm.
- B. làm thay đổi hướng di cư của các loài sinh vật.
- C. tăng nhanh diện tích các hệ sinh thái thứ sinh.
- D. xuất hiện thêm nhiều loài ngoại lai xâm hại mới.

Câu 3: Việc lồng ghép và thúc đẩy các mô hình kinh tế xanh ở nước ta hiện nay có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ môi trường.
- B. Thay thế hoàn toàn các ngành công nghiệp cũ kỹ.
- C. Khai thác tối đa các loại tài nguyên khoáng sản.
- D. Giải quyết việc làm cho lao động vùng nông thôn.

Câu 4: Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước, nhất là ở vùng cửa sông, ven biển là

- A. biến đổi khí hậu.
- B. mưa a-xít.
- C. cạn kiệt dòng chảy.
- D. hải sản giảm sút.

Câu 5: Nguồn tài nguyên sinh vật dưới nước, đặc biệt là nguồn hải sản bị giảm sút rõ rệt do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Khai thác quá mức và bùng phát dịch bệnh.
- B. Thời tiết thất thường và khai thác quá mức.
- C. Dịch bệnh và các hiện tượng thời tiết thất thường.
- D. Ô nhiễm môi trường nước và khai thác quá mức.

Câu 6: Tổng diện tích rừng nước ta đang tăng dần nhưng tài nguyên rừng vẫn bị suy giảm vì

- A. chất lượng rừng chưa thể phục hồi.
- B. rừng nguyên sinh hiện nay còn rất ít.
- C. diện tích rừng nghèo và rừng mới phục hồi tăng lên.
- D. diện tích rừng nghèo và rừng mới phục hồi là chủ yếu.

Câu 7: Biện pháp nào là chủ yếu nhất để cải tạo đất hoang, đồi núi trọc?

- A. Đầu tư thủy lợi, làm ruộng bậc thang.
- B. Trồng cây theo băng, đào hố vẩy cá.
- C. Phát triển mô hình nông - lâm kết hợp.
- D. Bảo vệ đất rừng và trồng rừng mới.

Câu 8: Biện pháp nào sau đây là hiệu quả nhất để chống xói mòn trên đất dốc ở vùng núi nước ta?

- A. Trồng cây gây rừng và làm ruộng bậc thang.
- B. Trồng cây theo băng và làm ruộng bậc thang.
- C. Đào hố vẩy cá, phủ xanh đất trống đồi núi trọc.
- D. Áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác.

Câu 9: Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng là

- A. canh tác hợp lí, chống ô nhiễm đất đai.
- B. áp dụng biện pháp nông - lâm kết hợp.
- C. tổ chức định canh, định cư cho người dân.
- D. thực hiện kĩ thuật canh tác trên đất dốc.

Câu 10: Biện pháp cải tạo đất nông nghiệp ở đồng bằng là

- A. làm ruộng bậc thang.
- B. đào hố vẩy cá.
- C. bón phân thích hợp.
- D. trồng cây theo băng.

3. Vận dụng

Câu 1: Trồng rừng ngập mặn ở các vùng ven biển nước ta hiện nay có ý nghĩa chiến lược chủ yếu để

- A. giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu.
- B. mở rộng tối đa diện tích đất thổ cư ven.
- C. khai thác triệt để nguồn lợi hải sản ven.
- D. thay thế hoàn toàn hệ thống đê biển lớn.

Câu 2: Việc áp dụng kĩ thuật làm ruộng bậc thang ở vùng đồi núi nước ta hiện nay chủ yếu nhằm

- A. hạn chế xói mòn và phát triển sản xuất.
- B. thay thế hoàn toàn cây trồng lâu năm.
- C. tận dụng tối đa nguồn nước từ các sông.
- D. mở rộng quy mô các khu công nghiệp núi.

Câu 3: Nguyên nhân chủ yếu làm cho đất đai nước ta dễ bị suy thoái là do

- A. Địa hình đồi núi thấp, mưa lớn và tập trung theo mùa.
- B. Chế độ mưa phân hóa theo mùa, độ dốc của địa hình.
- C. Nhiệt ẩm cao, mưa theo mùa, địa hình nhiều đồi núi.
- D. Địa hình nhiều đồi núi, đất đá vụn bở và dễ bóc mòn.

Câu 4: Diện tích rừng ngập mặn nước ta bị thu hẹp chủ yếu là do

- A. chuyển đổi mục đích.
- B. thiên tai gia tăng.
- C. ô nhiễm môi trường.
- D. mực nước biển dâng.

Câu 5: Sự đa dạng của tài nguyên đất ở nước ta là do kết quả của tác động tổng hợp của nhân tố

- A. phân hóa mưa, sự tác động của con người, nhân tố địa hình.
- B. sông ngòi, lớp phù thực vật, sự tác động của con người, mưa.
- C. đá mẹ, địa hình, khí hậu, nguồn nước, sinh vật và con người.
- D. địa hình, chế độ mưa theo mùa, sinh vật và các con sông lớn.

Câu 6: Phải đặt vấn đề sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên vì

- A. thiên tai, bão lũ, hạn hán thường xuyên xảy ra.
- B. đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển bền vững.
- C. dân số tăng nhanh, đời sống xã hội nâng cao.
- D. khoa học kĩ thuật ngày càng có nhiều tiên bộ.

Câu 7: Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng ngập mặn ở khu vực Nam Bộ giảm nhanh trong những năm gần đây là

- A. phá rừng để lấy gỗ.
- B. phá rừng để nuôi tôm.
- C. thiên tai hạn hán.
- D. cháy rừng.

Câu 8: Hạn chế lớn nhất trong việc sử dụng đất đai ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

- A. thiếu nước nghiêm trọng trong việc sản xuất vào mùa hạ và thu đông.
- B. xói mòn, rửa trôi ở vùng đồi núi, ngập lụt, nhiễm mặn ở đồng bằng.
- C. tình trạng ngập lụt ở thượng lưu các con sông lớn tại Nam Trung Bộ.
- D. đất ở vùng đồng bằng thấp, bị suy thoái, ảnh hưởng của triều cường.

Câu 9: Phát biểu nào không đúng về tình trạng ô nhiễm môi trường của nước ta hiện nay?

- A. Nhiều nơi, nồng độ chất gây ô nhiễm đã vượt tiêu chuẩn cho phép.
- B. Ô nhiễm môi trường tập trung ở các đô thị lớn và vùng cửa sông.
- C. Môi trường nước ta bị ô nhiễm đều do các yếu tố tự nhiên đem lại.
- D. Môi trường nước, đất, không khí đang bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Câu 10: Nguyên nhân chính làm cho nguồn nước của nước ta bị ô nhiễm nghiêm trọng là

- A. Hầu hết nước thải của công nghiệp và đô thị đổ thẳng ra sông mà chưa qua xử lí.
- B. Giao thông vận tải đường thủy phát triển, lượng xăng dầu, chất thải trên sông nhiều.
- C. Việc khai thác dầu khí ở ngoài thềm lục địa và các sự cố tràn dầu xảy ra trên biển.
- D. Nông nghiệp thâm canh cao nên sử dụng quá nhiều phân hoá học, thuốc trừ sâu.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1: Cho thông tin sau:

Hà Nội luôn ở trong danh sách 10 thành phố ô nhiễm nhất thế giới. Theo thông tin từ ứng dụng theo dõi, dự báo chất lượng không khí IQAir, từ đầu tháng 3 đến nay, Hà Nội chịu tác động của bụi mịn ở mức độ cao. Chỉ số chất lượng không khí (AQI) có lúc đã vượt quá 300 (cảnh báo đỏ đậm) và nhiều khu vực ở mức trên 200 (cảnh báo tím), gần như ngày nào chất lượng không khí tại Hà Nội cũng ở mức xấu (không tốt cho sức khỏe), có ngày còn ở mức rất xấu.

a) Ô nhiễm không khí chỉ xảy ra ở các thành phố lớn của nước ta.

b) Hiện tượng nghịch nhiệt ở Hà Nội diễn ra chủ yếu vào mùa đông khi gió lặng, mưa phùn dài ngày làm gia tăng bụi mịn.

c) Ở Hà Nội, mùa đông chỉ số ô nhiễm không khí thường thấp hơn so với mùa hè vì nhiệt độ và độ bốc hơi thấp hơn.

d) Giải pháp quan trọng nhất để hạn chế ô nhiễm môi trường ở các thành phố là kiểm soát phát thải từ công nghiệp, giao thông vận tải, sinh hoạt.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Báo cáo thường niên về biến đổi khí hậu của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2023 (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cho thấy, nhiệt độ trung bình ở Việt Nam đang có xu hướng tăng lên, đặc biệt là ở khu vực phía Nam. Sự chênh lệch nhiệt độ giữa mùa đông và mùa hạ ở miền Bắc lớn hơn rõ rệt so với miền Nam. Điều này góp phần làm thay đổi đáng kể chu kỳ sinh trưởng của nhiều loài cây trồng và vật nuôi, đòi hỏi sự thích nghi hoặc thay đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở từng vùng.

a) Giải pháp quan trọng nhất để thích ứng với điều kiện nhiệt độ biến đổi là đẩy mạnh chuyên canh cây trồng.

b) Sự chênh lệch nhiệt độ lớn giữa mùa đông và mùa hạ ở miền Bắc là một điều kiện thuận lợi để đa dạng hóa cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

c) Sự khác biệt lớn về nhiệt độ giữa mùa đông và mùa hạ ở miền Bắc so với miền Nam là biểu hiện rõ nét của sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Bắc - Nam ở Việt Nam.

d) Biến đổi khí hậu khiến cho các vùng có sự đồng nhất về chế độ nhiệt, ẩm.

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Diện tích và tỉ lệ che phủ rừng của nước ta, giai đoạn 2010 - 2024

Năm	2010	2015	2020	2024
Tổng diện tích (Nghìn ha)	13388,1	14061,9	14677,2	14874,3
Tỉ lệ che phủ rừng (%)	39,5	40,8	42,0	42,0

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

a) Năm 2024 so với năm 2010, diện tích rừng và tỉ lệ che phủ rừng tăng.

b) Tỉ lệ che phủ rừng có xu hướng tăng chủ yếu do sự phục hồi của rừng tự nhiên.

c) Diện tích rừng tăng lên chủ yếu do chủ trương đẩy mạnh trồng rừng của Nhà nước.

d) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện diện tích và tỉ lệ che phủ rừng nước ta, giai đoạn 2010 - 2024.

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng trồng mới của Việt Nam, giai đoạn 2017 - 2024

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	Tổng số	Rừng sản xuất	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng
2017	284,2	267,0	15,1	2,1
2018	282,1	267,7	12,5	1,9
2019	267,9	255,4	11,1	1,4
2024	304,0	296,2	6,5	1,4

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

a) Tổng diện tích rừng trồng mới của nước ta tăng liên tục, tăng nhiều nhất là rừng sản xuất.

b) Diện tích rừng sản xuất luôn cao nhất nhưng giảm nhiều nhất trong các loại rừng trồng mới.

c) Diện tích rừng trồng của nước ta khá cao do chính sách của Nhà nước trong phát triển rừng.

d) Rừng sản xuất chiếm diện tích lớn nhất do đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

Câu 5: Cho thông tin sau:

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta đang là vấn đề cấp bách, mức độ ô nhiễm môi trường ở một số khu vực ngày càng gia tăng. Chất lượng môi trường nhiều nơi đang bị suy giảm do nhiều nguyên nhân khác nhau, đáng chú ý nhất là ô nhiễm môi trường không khí và môi trường nước. Ô nhiễm không khí diễn ra chủ yếu tại các thành phố lớn, đông dân, các khu vực tập trung hoạt động công nghiệp... Ô nhiễm nước tập trung chủ yếu ở trung lưu và đồng bằng hạ lưu của các lưu vực sông.

a) Ô nhiễm không khí diễn ra chủ yếu tại các thành phố lớn, đông dân.

b) Khí thải từ hoạt động công nghiệp và sinh hoạt là nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm không khí.

c) Sự gia tăng nguồn nước thải từ các ngành kinh tế và nước thải sinh hoạt là những nguyên nhân trực tiếp gây ô nhiễm nguồn nước.

d) Tăng cường sử dụng nguồn năng lượng hoá thạch góp phần giảm tình trạng ô nhiễm không khí.

Câu 6: Cho thông tin sau:

Đất ở vùng núi và cao nguyên chủ yếu là đất feralit trên đá bazan và đất feralit trên các loại đá khác. Vùng đồng bằng sông Cửu Long ngoài đất phù sa sông màu mỡ còn có đất phèn, đất mặn; dải đồng bằng ven biển miền Trung có đất phù sa nhưng kém màu mỡ hơn. Ngoài ra trong miền còn có đất cát và đất xám trên phù sa cổ.

a) Đất bazan màu mỡ thuận lợi cho Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ trồng nhiều cây công nghiệp lâu năm.

b) Diện tích đất phèn và đất mặn lớn gây khó khăn cho Đồng bằng sông Cửu Long trong cải tạo và sử dụng tự nhiên.

c) Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích đất mặn lớn chủ yếu do địa hình bằng phẳng, ba mặt tiếp giáp với biển.

d) Đất đai phong phú, nhiều loại có giá trị là điều kiện thuận lợi chủ yếu nhất để miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ đa dạng cơ cấu cây trồng.

Câu 7: Cho thông tin sau:

Mặc dù đất là loại tài nguyên có thể tái sử dụng nhưng việc khai thác quá mức dẫn đến thoái hóa đất. Nạn chặt cây, phá rừng làm đất dễ xói mòn. Ngày càng nhiều vụ sạt lở đất xảy ra, gây nguy hiểm cho người dân ở gần đó. Những hoạt động phun thuốc trừ sâu, bón phân vô tội vạ hay hoạt động công nghiệp khai thác khoáng sản đã thải lượng hóa chất độc hại vào đất, phá đi tính sinh học và dinh dưỡng của đất.

a) Tài nguyên đất của nước ta hiện nay đang bị suy thoái ở nhiều nơi.

b) Ở khu vực đồng bằng, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến suy giảm tài nguyên đất là do việc sử dụng quá

mức.

c) Tài nguyên đất suy giảm là nguyên nhân chính khiến nước ta phải chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp.

d) Giải pháp chủ yếu nhất để bảo vệ tài nguyên đất ở vùng đồi núi là tổ chức định canh, định cư cho dân cư miền núi.

Câu 8: Cho thông tin sau:

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta có xu hướng gia tăng, đặc biệt là môi trường nước và không khí. Ô nhiễm không khí diễn ra chủ yếu tại các thành phố lớn, đông dân; các khu vực đô thị tập trung hoạt động công nghiệp và những nơi có mật độ phương tiện giao thông lớn. Ô nhiễm nước tập trung chủ yếu ở khu vực trung lưu và đồng bằng hạ lưu của các lưu vực sông.

a) Hoạt động giao thông vận tải là một trong các nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm không khí.

b) Khí thải từ việc đốt nhiên liệu và các hóa chất bay hơi làm ô nhiễm không khí đáng kể.

c) Công nghệ tạo ra các nguồn tài nguyên và năng lượng mới đang làm cho môi trường xấu đi.

d) Nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp đang trực tiếp gây ra ô nhiễm cho nguồn nước.

Câu 9: Cho thông tin sau:

Bão là một vùng áp thấp hình gần tròn, có gió xoáy rất mạnh, kèm theo mưa to nhưng tại vùng trung tâm gọi là “mắt bão” gió lại yếu hay lặng gió, trời quanh mây trắng. Bão ở Việt Nam là từ tây Thái Bình Dương hay từ Biển Đông đổ bộ vào.

a) Mùa bão ở nước ta bắt đầu từ tháng 6 đến tháng 12.

b) Mỗi năm có trung bình 3 - 4 cơn bão trực tiếp đổ bộ vào vùng bờ biển nước ta.

c) Bão mạnh nhất vào tháng 10, đổ bộ vào vùng biển Bắc Trung Bộ nước ta.

d) Nguyên nhân khiến cho mùa bão di chuyển chậm dần từ Bắc vào Nam là do sự di chuyển của dải hội tụ nội chí tuyến.

Câu 10: Cho thông tin sau:

Rừng ngập mặn là hệ thống quần thể tập hợp các loại thực vật có khả năng chịu mặn cực tốt. Rừng ngập mặn thông thường phân bố tại các vùng ven biển. Trong rừng ngập mặn, hệ sinh thái gồm động vật và thực vật vô cùng đa dạng. Rừng ngập mặn ở Việt nam phân bố ở nơi đất thấp ven biển. Môi trường nước biển ngập chân, cây trong rừng có rễ chùm to khỏe, rậm rạp....

a) Nước ta có diện tích rừng ngập mặn lớn, tập trung chủ yếu ở Nam Bộ.

b) Diện tích rừng ngập mặn ở phía Nam lớn do khí hậu cận xích đạo, diện tích đất mặn lớn.

c) Hệ sinh vật trong rừng rất đa dạng, phong phú, trong đó có nhiều loài chim thú và nhiều loài cây gỗ quý.

d) Diện tích rừng ngập mặn hiện nay đang suy giảm do sự biến đổi của khí hậu toàn cầu và do cháy rừng.

III. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Tổng diện tích rừng của nước ta năm 2024 là 14874,3 nghìn ha. Trong đó, diện tích rừng tự nhiên là 10133,9 nghìn ha. Hãy cho biết diện tích rừng trồng chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng diện tích rừng của nước ta (làm tròn đến một chữ số thập phân).

Trả lời

- Diện tích rừng trồng: $14874,3 - 10133,9 = 4740,4$ nghìn ha

Đáp án: $4740,4 : 14874,3 \times 100 \approx 31,9$

Câu 2: Tổng diện tích rừng của nước ta năm 2024 là 14,9 triệu ha, diện tích rừng tự nhiên là 10,1 triệu ha. Hãy cho biết tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên trong tổng diện tích rừng cả nước là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $10,1 : 14,9 \times 100 \approx 67,8$

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943 - 2024

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	1943	2021	2024
Tổng diện tích	14,3	14,7	14,9

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết từ năm 1943 đến năm 2024, diện tích rừng của nước ta tăng thêm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $(14,9 - 14,3) : 14,3 \times 100 \approx 4,2$

Câu 4: Năm 2024, tổng diện tích rừng của nước ta là 14874,3 nghìn ha, diện tích rừng trồng chiếm 31,9%. Hãy cho biết diện tích rừng trồng của nước ta năm 2024 là bao nhiêu nghìn ha (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Trả lời

Đáp án: $31,9 \times 14874,3 : 100 \approx 4745$

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng và diện tích tự nhiên của nước ta năm 2010 và năm 2024

Năm	2010	2024
Tổng diện tích rừng (km^2)	133900	148743
Diện tích đất tự nhiên (km^2)	331000	331000

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỷ lệ che phủ rừng của nước ta năm 2024 tăng lên bao nhiêu phần trăm so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2010: $133900 : 331000 \times 100 = 40,45317221 \%$

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2024: $148743 : 331000 \times 100 = 44,93746224\%$

- Đáp án: $44,93746224 - 40,45317221 \approx 4,5$

Câu 6: Cho bảng số liệu sau:

Diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943 - 2024

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	1943	2024
Tổng diện tích rừng	14,3	14,9

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết chênh lệch tổng diện tích rừng của nước ta từ năm 1943 đến 2024 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $14,9 - 14,3 = 0,6$

Câu 7: Năm 2024, diện tích đất nông nghiệp của nước ta là 28147,3 nghìn ha, trong đó đất trồng cây hàng năm là 6810,1 nghìn ha. Hãy cho biết đất trồng cây hàng năm chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng diện tích đất nông nghiệp của nước ta năm 2024 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $6810,1 : 28147,3 \times 100 \approx 24,2$

Câu 8: Năm 2024, diện tích đất sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp của nước ta là 4112,2 nghìn ha. Trong đó, diện tích đất ở chiếm 19,3%. Hãy cho biết diện tích đất ở của nước ta năm 2024 là bao nhiêu nghìn ha (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Trả lời

Đáp án: $19,3 \times 4112,2 : 100 \approx 794$

Câu 9: Năm 2024, tổng diện tích đất của nước ta là 33214,4 nghìn ha. Trong đó, diện tích đất chưa sử dụng là 954,9 nghìn ha. Hãy cho biết, diện tích đất chưa sử dụng chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng diện tích đất của nước ta (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $954,9 : 33214,4 \times 100 \approx 2,9$

Câu 10: Năm 2024, diện tích đất sử dụng cho nông nghiệp và phi nông nghiệp của nước ta lần lượt là 28147,3 nghìn ha và 4112,2 nghìn ha. Hãy cho biết, năm 2024 diện tích đất sử dụng cho nông nghiệp của nước ta gấp bao nhiêu lần diện tích đất phi nông nghiệp (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Trả lời

Đáp án: $28147,3 : 4112,2 \approx 6,8$